

**TIỂU BANG WASHINGTON
LỊCH TRÌNH CẤP DƯỠNG CON
Chương 26.19 RCW**

Bao gồm:

- **Định Nghĩa và Tiêu Chuẩn**
- **Hướng Dẫn**
- **Bảng Kinh Tế Tổng Hợp**
- **Bảng Tính**

Có hiệu lực từ ngày 01 Tháng Một, 2026



**WASHINGTON
COURTS**
ADMINISTRATIVE OFFICE OF THE COURTS

**Các mẫu đơn tải xuống từ--Internet:
<http://www.courts.wa.gov/>**

**Đường Dây Nóng Của Nha Cấp Dưỡng Con, DSHS Tiểu Bang,
1 (800) 442-KIDS**

LỊCH TRÌNH CẤP DƯỠNG CON CỦA TIỂU BANG WASHINGTON

ĐỊNH NGHĨA VÀ TIÊU CHUẨN

Định Nghĩa

Trừ khi ngữ cảnh có yêu cầu khác rõ ràng, các định nghĩa này được áp dụng cho những tiêu chuẩn sau mục này. RCW 26.19.011.

Nghĩa vụ cấp dưỡng con cơ bản: có nghĩa là nghĩa vụ cấp dưỡng con hàng tháng được xác định từ bảng kinh tế tổng hợp dựa trên thu nhập ròng hàng tháng kết hợp (sau thuế & khấu trừ) của các bên và số con cần được cấp dưỡng.

Lịch trình cấp dưỡng con: có nghĩa là tiêu chuẩn, bảng kinh tế tổng hợp, bảng tính và hướng dẫn như được định nghĩa trong chương 26.19 RCW.

Tòa án: có nghĩa là thẩm phán tòa thượng thẩm, ủy viên tòa án và các viên chức chủ tọa và tái xét, họ xác định hoặc thực thi các lệnh cấp dưỡng con theo thủ tục hành chánh.

Sự điều chỉnh: có nghĩa là một số tiền cấp dưỡng con khác với cách tính chuẩn.

Bảng kinh tế tổng hợp: có nghĩa là bảng cấp dưỡng con đối với nghĩa vụ cấp dưỡng cơ bản được quy định trong RCW 26.19.020.

Toàn thời gian: có nghĩa là số giờ làm việc tối đa, không làm thêm giờ theo thông lệ trong nghề nghiệp, ngành và thị trường lao động trước đây của một cá nhân. “Toàn thời gian” không nhất thiết phải có nghĩa là 40 giờ mỗi tuần.

Hướng dẫn: có nghĩa là các chỉ dẫn được Văn Phòng Hành Chính Của Tòa Án triển khai theo RCW 26.19.050 để sử dụng trong quá trình hoàn tất các bảng tính.

Tiêu chuẩn: có nghĩa là các tiêu chuẩn xác định cấp dưỡng con được quy định trong chương 26.19 RCW.

Cách tính chuẩn: có nghĩa là số tiền cấp dưỡng con giả định cần phải có, được xác định từ lịch trình cấp dưỡng con trước khi tòa án xem xét bất kỳ lý do nào để điều chỉnh.

Khoản chi trả chuyển giao cấp dưỡng: có nghĩa là số tiền tòa án yêu cầu một phụ huynh phải trả cho một phụ huynh còn lại hoặc người giám hộ khác để cấp dưỡng con sau khi xác định cách tính chuẩn và các điều chỉnh. Nếu một số chi phí hoặc khoản tín dụng dự kiến sẽ biến động và lệnh quy định công thức hoặc tỷ lệ phần trăm để xác định số tiền hoặc khoản tín dụng bổ sung thường xuyên thì thuật ngữ “khoản chi trả chuyển giao cấp dưỡng” không có nghĩa là số tiền hoặc khoản tín dụng bổ sung này.

Bảng tính: có nghĩa là các biểu mẫu được Văn Phòng Hành Chính Của Tòa Án triển khai theo RCW 26.19.050 để sử dụng trong quá trình xác định số tiền cấp dưỡng con.

Tiêu Chuẩn Áp Dụng

- Áp dụng lịch trình cấp dưỡng:** Lịch trình cấp dưỡng con sẽ được áp dụng:
 - trong mỗi quận của tiểu bang;
 - trong thủ tục tố tụng tư pháp và hành chính theo tiêu đề 13, 26 và 74 RCW;
 - trong tất cả thủ tục xác định hoặc sửa đổi cấp dưỡng con;
 - trong quá trình thiết lập cấp dưỡng tạm thời và lâu dài;
 - trong các bản án hoặc quy định sửa đổi tự động được ban hành theo RCW 26.09.100; và
 - ngoài thủ tục xác định cấp dưỡng con cho trẻ vị thành niên, còn được áp dụng cho trẻ trưởng thành phụ thuộc vào cha mẹ của trẻ và được tòa án yêu cầu cấp dưỡng theo RCW 26.09.100.

Các quy định của RCW 26.19 về việc xác định cấp dưỡng con và lý do để điều chỉnh so với cách tính chuẩn sẽ được tòa án, viên chức chủ tọa và viên chức tái xét áp dụng theo cùng một cách. RCW 26.19.035(1).

- Văn bản kết luận thực tế được chứng minh bằng chứng cứ:** Lệnh cấp dưỡng con phải được chứng minh bằng văn bản kết luận thực tế, làm cơ sở xác định cấp dưỡng, đồng thời phải bao gồm lý do về bất kỳ điều chỉnh nào so với cách tính chuẩn và lý do từ chối yêu cầu của một bên về việc điều chỉnh so với cách tính chuẩn. RCW 26.19.035(2).
- Hoàn tất bảng tính:** Các bảng tính theo biểu mẫu do Văn Phòng Hành Chính Của Tòa Án triển khai sẽ được hoàn tất dưới hình phạt khai man và được nộp theo mọi thủ tục trong đó cấp dưỡng con được xác định. Tòa án sẽ không chấp nhận các bảng tính không đầy đủ hoặc các bảng tính khác với các bảng tính do Văn Phòng Hành Chính Của Tòa Án triển khai. RCW 26.19.035(3).
- Tái xét của tòa án về các bảng tính và lệnh:** Tòa án sẽ tái xét các bảng tính và lệnh ấn định cấp dưỡng con đối với lý do thích đáng được đưa ra về bất kỳ điều chỉnh hay từ chối nào cho mọi yêu cầu về điều chỉnh và về số tiền cấp

dưỡng tương xứng theo lệnh. Mỗi lệnh sẽ nêu rõ số tiền cấp dưỡng con được tính bằng việc sử dụng cách tính chuẩn và số tiền cấp dưỡng con thực sự theo lệnh. Các bảng tính sẽ được đính kèm với bản án hoặc lệnh hay nếu được nộp riêng, sẽ được thẩm phán ký hoặc ký tắt và được nộp cùng với lệnh này. RCW 26.19.035(4).

Tiêu Chuẩn Thu Nhập

1. **Xem xét toàn bộ thu nhập:** Toàn bộ thu nhập và tài sản của mỗi hộ gia đình phụ huynh sẽ được tòa án tiết lộ và xem xét khi tòa án xác định nghĩa vụ cấp dưỡng con của mỗi phụ huynh. Vì mục đích tính nghĩa vụ cấp dưỡng cơ bản, nên chỉ sẽ tính thu nhập của phụ huynh có các con đang được cấp dưỡng. Thu nhập và tài sản của bất kỳ người nào khác sẽ không được tính vào nghĩa vụ cấp dưỡng cơ bản. RCW 26.19.071(1).

2. **Xác nhận thu nhập:** Tờ khai thuế trong hai năm trước đó và cù lương hiện tại sẽ được cung cấp để xác nhận thu nhập và các khoản khấu trừ. Việc xác nhận đầy đủ khác sẽ cần phải có đối với thu nhập và các khoản khấu trừ không xuất hiện trong tờ khai thuế hoặc cù lương. RCW 26.19.071(2).

3. **Các nguồn thu nhập được tính vào thu nhập gộp hàng tháng (trước thuế & khấu trừ):** Thu nhập gộp hàng tháng (trước thuế & khấu trừ) sẽ kể cả thu nhập từ bất kỳ nguồn nào, bao gồm: tiền lương, tiền công; tiền hoa hồng; bồi thường trả chậm; tiền làm việc ngoài giờ, trừ các khoản được loại trừ khỏi thu nhập trong RCW 26.19.071(4)(i); các phúc lợi liên quan đến hợp đồng; thu nhập từ công việc thứ hai trừ các khoản được loại trừ khỏi thu nhập trong RCW 26.19.071(4)(i); cổ tức; lãi; thu nhập từ quỹ tín thác; trợ cấp thôi việc; lãi niên kim; lãi vốn; phúc lợi hưu trí; bồi thường cho người lao động; trợ cấp thất nghiệp; khoản cấp dưỡng thực sự nhận được; tiền thưởng; phúc lợi an sinh xã hội; quyền lợi bảo hiểm thương tật; và thu nhập từ việc tự làm chủ, cho thuê nhà, bản quyền, hợp đồng, quyền sở hữu doanh nghiệp, quyền đồng sở hữu một công ty hợp danh hay công ty giới hạn số thành viên. RCW 26.19.071(3).

Trợ cấp hưu trí dành cho cựu chiến binh bị khuyết tật:

Trợ cấp hưu trí dành cho cựu chiến binh bị khuyết tật hoặc khoản bồi thường theo định kỳ về tình trạng thương tật phát sinh hoặc trầm trọng hơn trong khi phục vụ trong lực lượng vũ trang Hoa Kỳ do Sở Quản Trị Cựu Chiến Binh chi trả, các khoản này phải được khai báo cho tòa án. Tòa án có thể xem một trong hai loại bồi thường này là thu nhập khả dụng đối với mục đích tính nghĩa vụ cấp dưỡng con. Xem RCW 26.19.045.

4. **Các nguồn thu nhập được loại trừ khỏi thu nhập gộp hàng tháng (trước thuế & khấu trừ):** Thu nhập và tài sản sau đây sẽ được khai báo nhưng sẽ không được tính vào thu nhập gộp (trước thuế & khấu trừ): thu nhập của vợ/chồng mới hoặc bạn đời hay thu nhập của những người lớn khác trong hộ gia đình; cấp dưỡng con đã nhận được từ các mối quan hệ khác; quà tặng và giải thưởng; trợ cấp tạm thời dành cho gia đình nghèo khó (TANF); Phụ Cấp Thu Nhập An Sinh (SSI); Phúc lợi trợ cấp dành cho người cao tuổi, người mù hoặc người khuyết tật (ABD); phúc lợi trợ cấp dành cho phụ nữ mang thai; tem phiếu thực phẩm; và tiền làm việc ngoài giờ hoặc thu nhập từ công việc thứ hai vượt quá 40 giờ mỗi tuần được tính bình quân trong 12 tháng làm việc để cung cấp cho nhu cầu của gia đình hiện tại, để trả các khoản nợ trong mối quan hệ trước đây hoặc trả khoản nợ cấp dưỡng con, khi tòa án nhận thấy thu nhập sẽ không còn khi bên này đã trả hết nợ của họ. Việc nhận thu nhập và tài sản từ TANF, SSI, ABD và tem phiếu thực phẩm sẽ không phải là lý do để điều chỉnh so với cách tính chuẩn. RCW 26.19.071(4).

Trợ cấp và chăm sóc hỗ trợ của VA: Khoản trợ cấp và khoản chi trả dịch vụ chăm sóc hỗ trợ nhằm ngăn ngừa việc nhập viện do Sở Quản Trị Cựu Chiến Binh thanh toán chỉ để cung cấp dịch vụ chăm sóc thực sự tại nhà cho một cựu chiến binh khuyết tật và khoản bồi thường y tế đặc biệt được chi trả theo 38 U.S.C. Mục 314(k) đến (r) để cung cấp dịch vụ chăm sóc đặc biệt hoặc dịch vụ trợ giúp đặc biệt, hay cả hai dịch vụ này nhằm hỗ trợ các chức năng theo thói quen hàng ngày đều phải được khai báo. Tòa án có thể không tính khoản trợ cấp hoặc khoản chi trả dịch vụ chăm sóc hỗ trợ hay bồi thường y tế đặc biệt vào thu nhập gộp (trước thuế & khấu trừ) nhằm mục đích tính nghĩa vụ cấp dưỡng con hoặc nhằm mục đích điều chỉnh so với cách tính chuẩn. Xem RCW 26.19.045.

Trợ cấp và chăm sóc hỗ trợ khác: Các khoản chi trả từ bất kỳ nguồn nào, ngoài khoản trợ cấp và phụ cấp chăm sóc cho cựu chiến binh hoặc bồi thường y tế đặc biệt được thanh toán theo 38 U.S.C. Mục 314(k) đến (r) đối với các dịch vụ do người chăm sóc cung cấp trong trường hợp khuyết tật khi tình trạng khuyết tật cần thiết phải thuê dịch vụ hoặc người chăm sóc phải được khai báo nhưng sẽ không được tính vào thu nhập gộp (trước thuế & khấu trừ) và sẽ không phải là lý do để điều chỉnh so với cách tính chuẩn. RCW 26.19.055.

5. **Xác định thu nhập ròng (sau thuế & khấu trừ):** Các chi phí sau đây sẽ được khai báo và khấu trừ khỏi thu nhập gộp hàng tháng (trước

thuế & khấu trừ) để tính thu nhập ròng hàng tháng (sau thuế & khấu trừ): thuế thu nhập liên bang và tiểu bang (xem đoạn sau đây); các khoản khấu trừ theo đạo luật đóng góp bảo hiểm liên bang (federal insurance contributions act deductions - FICA); khoản đóng góp quỹ hưu trí bắt buộc; phí công đoàn hoặc phí nghề nghiệp bắt buộc như phí bảo hiểm tiểu bang bắt buộc đã thực sự chi trả, bao gồm chương trình nghỉ phép ốm và gia đình được trả lương và chương trình quỹ hỗ trợ và dịch vụ dài hạn; phí bảo hiểm lao động tiểu bang; khoản cấp dưỡng theo lệnh tòa trong phạm vi thực tế đã thực sự chi trả; lên tới \$5,000 mỗi năm trong các khoản đóng góp hưu trí tự nguyện đã thực sự thực hiện nếu các khoản đóng góp này thể hiện một mô hình đóng góp trong khoảng thời gian một năm trước khi có hành động thiết lập lệnh cấp dưỡng con trừ khi có xác định rằng các khoản đóng góp được thực hiện nhằm mục đích giảm bớt cấp dưỡng con; và chi phí kinh doanh thông thường và thuế tự doanh đối với người tự làm chủ. Cần phải giải trình đối với bất kỳ khoản khấu trừ chi phí kinh doanh nào có tranh chấp. Các khoản mục được khấu trừ khỏi thu nhập gộp (trước thuế & khấu trừ) sẽ không phải là lý do để điều chỉnh so với cách tính chuẩn. RCW 26.19.071(5).

Phân bổ quyền miễn thuế: Các bên có thể thỏa thuận về việc phụ huynh nào có quyền kê khai con hoặc các con là người phụ thuộc để được hưởng quyền miễn thuế thu nhập liên bang. Tòa án có thể quyết định trao quyền miễn thuế hoặc các quyền miễn thuế và ra lệnh cho một bên ký vào giấy từ bỏ quyền miễn thuế người phụ thuộc theo thuế thu nhập liên bang. Tòa án có thể phân chia quyền miễn thuế giữa các bên, luân phiên quyền miễn thuế giữa các bên hoặc cả hai hình thức. RCW 26.19.100.

6. **Xác định thu nhập ước tính:** Tòa án sẽ xác định thu nhập ước tính cho một phụ huynh khi phụ huynh này tự nguyện thất nghiệp hoặc tự nguyện làm việc dưới khả năng của mình. Tòa án sẽ xác định việc liệu phụ huynh có tự nguyện làm việc dưới khả năng của mình hay tự nguyện thất nghiệp không dựa trên tài sản, nơi cư trú, quá trình làm việc và thu nhập, kỹ năng làm việc, trình độ học vấn đạt được, kiến thức, sức khỏe và tuổi tác, lý lịch tư pháp, nghĩa vụ tại tòa án liên quan đến người phụ thuộc, và các rào cản việc làm khác, hồ sơ tìm việc, thị trường việc làm địa phương, khả năng có các sở làm luôn sẵn lòng thuê mướn phụ huynh, mức thu nhập phổ biến tại cộng đồng địa phương hoặc bất kỳ yếu tố liên quan nào khác. Tòa án sẽ không xác định thu nhập ước tính cho phụ huynh được thuê làm việc toàn thời gian để kiếm thu nhập, trừ khi tòa án nhận thấy rằng phụ huynh này tự nguyện làm việc dưới khả

năng của mình và phát hiện rằng phụ huynh này cố tình làm việc dưới khả năng để giảm bớt nghĩa vụ cấp dưỡng con của mình. Thu nhập sẽ không được ước tính cho một phụ huynh không có khả năng làm việc. Thu nhập sẽ không được ước tính cho phụ huynh trong trường hợp phụ huynh thất nghiệp hoặc làm việc dưới khả năng một cách đáng kể do phụ huynh cố gắng nhằm tuân thủ các biện pháp đoàn tụ theo lệnh tòa theo chương 13.34 RCW hoặc theo thỏa thuận gửi nuôi tự nguyện với cơ quan giám sát trẻ. Ngoại trừ mục được quy định dưới đây đối với học sinh trung học, trong trường hợp không có hồ sơ về thu nhập thực tế của phụ huynh, tòa án sẽ xác định thu nhập ước tính của phụ huynh theo thứ tự ưu tiên sau đây:

- a. Thu nhập toàn thời gian theo mức lương hiện tại;
- b. Thu nhập toàn thời gian theo mức lương trước đây dựa trên thông tin đáng tin cậy, như dữ liệu của sở trợ cấp thất nghiệp;
- c. Thu nhập toàn thời gian theo mức lương trước đây khi thông tin không đầy đủ hoặc rời rạc;
- d. Thu nhập 32 giờ mỗi tuần ở mức lương tối thiểu tại khu vực pháp lý nơi phụ huynh cư trú nếu phụ huynh này đang trong chương trình trợ cấp tạm thời cho gia đình nghèo khó (TANF) hiện tại hoặc gần đây đã nhận được trợ cấp TANF hoặc gần đây đã nhận được phúc lợi trợ cấp dành cho người cao tuổi, người mù hoặc người khuyết tật, phúc lợi trợ cấp dành cho phụ nữ mang thai, nhu cầu thiết yếu và hỗ trợ nhà ở, Phụ Cấp Thu Nhập An Sinh, hoặc tình trạng khuyết tật, gần đây đã được ra khỏi tù, hay vừa mới tốt nghiệp trung học. Xác định thu nhập ước tính ở mức 32 giờ mỗi tuần theo quy định này là một giả định có thể bị bác bỏ;
- e. Thu nhập toàn thời gian ở mức lương tối thiểu tại khu vực pháp lý nơi phụ huynh cư trú nếu phụ huynh này có thu nhập lương tối thiểu trong quá trình gần đây, chưa bao giờ được thuê làm và không có quá trình thu nhập hoặc không có quá trình thu nhập đáng kể;
- f. Thu nhập ròng bình quân hàng tháng (sau thuế & khấu trừ) của người lao động toàn thời gian quanh năm được xác định từ các báo cáo dân số hiện tại của Cục Thống Kê Dân Số Hoa Kỳ hoặc báo cáo thay thế tương tự như vậy do Cục Thống Kê Dân Số công bố. (Xem bảng “Thu Nhập Ròng Bình Quân Hàng Tháng Ước Tính (sau thuế & khấu trừ)” ở trang 7.) RCW 26.19.071(6).

Khi một phụ huynh hiện đã đăng ký học toàn thời gian tại trường trung học, tòa án sẽ xem xét tổng thể hoàn cảnh của cả hai phụ huynh khi

xác định việc liệu mỗi phụ huynh có tự nguyện thất nghiệp hay tự nguyện làm việc dưới khả năng của mình không. Nếu một phụ huynh hiện đăng ký học tại trường trung học được xác định là tự nguyện thất nghiệp hoặc tự nguyện làm việc dưới khả năng của mình, tòa án sẽ xác định thu nhập ước tính theo mức thu nhập 20 giờ mỗi tuần với mức lương tối thiểu tại khu vực pháp lý nơi phụ huynh đó cư trú. Xác định thu nhập ước tính ở mức 20 giờ mỗi tuần theo quy định này là một giả định có thể bị bác bỏ.

Tiêu Chuẩn Phân Bỏ

1. **Cấp dưỡng con cơ bản:** Nghĩa vụ cấp dưỡng con cơ bản được nêu trong bảng kinh tế tổng hợp sẽ được phân bổ giữa các phụ huynh dựa trên khoản đóng góp của mỗi phụ huynh trong thu nhập ròng kết hợp hàng tháng (sau thuế & khấu trừ). RCW 26.19.080(1).

Ví dụ: Thu nhập ròng kết hợp hàng tháng (sau thuế & khấu trừ) của cả hai phụ huynh là \$8,500 và họ có 2 con. Bảng kinh tế tổng hợp cho thấy nghĩa vụ cấp dưỡng con cơ bản là \$994 cho mỗi con, tổng cộng là \$1,988. ($994 \times 2 = \$1,988$). Phụ Huynh 1 kiếm \$3,500 mỗi tháng và Phụ Huynh 2 kiếm \$5,000 mỗi tháng. Để xác định tỷ lệ phần trăm mà mỗi phụ huynh đóng góp vào nghĩa vụ cấp dưỡng con cơ bản, quý vị lấy thu nhập ròng (sau thuế & khấu trừ) của phụ huynh chia cho tổng thu nhập. Khoản đóng góp của Phụ Huynh 1 là 41.2% tổng số tiền cấp dưỡng ($3500 \div 8500 = .4118 = 41.2\%$). Khoản đóng góp của Phụ Huynh 2 là 58.8% tổng số tiền cấp dưỡng ($5000 \div 8500 = .5882 = 58.8\%$).

Khoản đóng góp của Phụ Huynh 1 trong tổng số tiền cấp dưỡng là \$409.53 cho mỗi con ($994 \times .412 = \$409.53$). Khoản đóng góp của Phụ Huynh 2 trong tổng số tiền cấp dưỡng là \$584.47 cho mỗi con ($994 \times .588 = \$584.47$). Có hai con nên tổng số tiền cấp dưỡng của Phụ Huynh 1 là \$819.06 và tổng số tiền cấp dưỡng của Phụ Huynh 2 là \$1,168.94.

2. **Chi phí chăm sóc sức khỏe:** Chi phí chăm sóc sức khỏe không được đưa vào trong bảng kinh tế tổng hợp. Chi phí chăm sóc sức khỏe hàng tháng sẽ được các phụ huynh chia sẻ theo một tỷ lệ giống như nghĩa vụ cấp dưỡng cơ bản. Chi phí chăm sóc sức khỏe sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn ở điều trị y tế, nha khoa, chỉnh răng, nhân khoa, chỉnh hình, sức khỏe tâm thần, thuốc kê toa và các chi phí tương tự khác về chăm sóc và điều trị. RCW 26.19.080(2).
3. **Chi phí giữ trẻ và chi phí nuôi dạy trẻ đặc biệt:** Chi phí giữ trẻ và nuôi dạy trẻ đặc biệt, như học phí và chi phí đi lại xa giữa các phụ huynh vì mục đích thăm nom, không được đưa vào bảng kinh tế tổng hợp. Các chi phí này sẽ được các

phụ huynh chia sẻ theo một tỷ lệ giống như nghĩa vụ cấp dưỡng con cơ bản. RCW 26.19.080(3).

4. Tòa án có thể sử dụng quyền hạn của mình để xác định sự cần thiết và tính hợp lý của tất cả các số tiền theo lệnh vượt quá nghĩa vụ cấp dưỡng con cơ bản. RCW 26.19.080(4).

Tiêu Chuẩn Hạn Chế

1. **Hạn chế ở mức 45% thu nhập ròng (sau thuế & khấu trừ) của một phụ huynh:** Nghĩa vụ cấp dưỡng con của phụ huynh phải trả cho tất cả các con ruột hoặc con hợp pháp của họ không thể vượt quá 45% thu nhập ròng (sau thuế & khấu trừ) của họ trừ khi đưa ra lý do chính đáng.
 - a. Mỗi con đều được hưởng một phần thu nhập chia theo tỷ lệ hiện có dùng để cấp dưỡng, nhưng tòa án chỉ áp dụng phần chia theo tỷ lệ cho các con trong hồ sơ trước tòa án.
 - b. Trước khi xác định việc liệu có áp dụng hạn chế 45% hay không, tòa án phải xem xét quyền lợi tốt nhất của các con và hoàn cảnh của mỗi phụ huynh. Các hoàn cảnh như vậy bao gồm, nhưng không giới hạn ở, việc để lại không đủ tiền trong hộ gia đình của phụ huynh trực tiếp nuôi con nhằm đáp ứng nhu cầu cơ bản của các con, mức độ khó khăn tương đối đối với các hộ gia đình bị ảnh hưởng, tài sản hoặc nợ phải trả, và bất kỳ hạn chế không tự nguyện nào đối với khả năng kiếm tiền của bất kỳ phụ huynh nào bao gồm trường hợp giam giữ, khuyết tật hoặc mất năng lực.
 - c. Lý do chính đáng bao gồm, nhưng không giới hạn ở, việc sở hữu tài sản đáng kể, chi phí giữ trẻ ban ngày, nhu cầu y tế đặc biệt, nhu cầu giáo dục, nhu cầu tâm lý và gia đình đông người hơn. RCW 26.19.065(1).
2. **Nghĩa vụ cấp dưỡng tối thiểu giả định:** Khi thu nhập ròng hàng tháng (sau thuế & khấu trừ) của một phụ huynh thấp hơn 180% mức nghèo do liên bang ấn định dành cho gia đình một người, lệnh cấp dưỡng không dưới \$50 cho mỗi con mỗi tháng sẽ được ban hành trừ khi phụ huynh buộc phải cấp dưỡng chứng minh rằng việc ban hành lệnh như vậy sẽ không công bằng trong hồ sơ cụ thể đó. Quyết định về việc có đủ cơ sở để giảm xuống dưới khoản chi trả tối thiểu giả định phải tính đến quyền lợi tốt nhất của các con và hoàn cảnh của mỗi phụ huynh. Các hoàn cảnh như vậy có thể kể cả việc để lại không đủ tiền trong hộ gia đình của phụ huynh trực tiếp nuôi con nhằm đáp ứng nhu cầu cơ bản của các con, mức độ khó khăn tương đối đối với các hộ gia đình bị ảnh hưởng, tài sản hoặc nợ phải trả và khả năng kiếm tiền. RCW 26.19.065(2)(a).

3. **Khoản dự trữ tự nuôi bản thân:** Nghĩa vụ cấp dưỡng cơ bản của phụ huynh thực hiện khoản chi trả chuyên giao, không bao gồm chi phí chăm sóc sức khỏe, giữ trẻ và nuôi dạy trẻ đặc biệt, không được giảm bớt thu nhập ròng (sau thuế & khấu trừ) của họ xuống dưới mức dự trữ tự nuôi bản thân là 180% mức nghèo do liên bang ấn định cho một gia đình một người, ngoại trừ khoản chi trả tối thiểu giả định là \$50 cho mỗi con mỗi tháng hoặc khi áp dụng hạn chế khoản dự trữ tự nuôi bản thân sau khi xem xét quyền lợi tốt nhất của các con và hoàn cảnh của mỗi phụ huynh. Các hoàn cảnh như vậy bao gồm, nhưng không giới hạn ở, việc để lại không đủ tiền trong hộ gia đình của phụ huynh trực tiếp nuôi con nhằm đáp ứng nhu cầu cơ bản của các con, mức độ khó khăn tương đối đối với các hộ gia đình bị ảnh hưởng, tài sản hoặc nợ phải trả và khả năng kiếm tiền. Mục này sẽ không được hiểu là yêu cầu chứng minh thu nhập hàng tháng.
- (Xem bản ghi nhớ Khoản Dự Trữ Tự Nuôi Bản Thân trên trang web của tòa án www.courts.wa.gov/forms và tại www.WashingtonLawHelp.org.) RCW 26.19.065(2)(b).

4. Khi thu nhập của một phụ huynh cao hơn khoản dự trữ tự nuôi bản thân là 180% mức nghèo do liên bang ấn định cho một hộ gia đình một người, nghĩa vụ cấp dưỡng cơ bản mà phụ huynh đó phải trả cho tất cả các con ruột hoặc con hợp pháp của mình không được giảm bớt thu nhập của họ xuống dưới khoản dự trữ tự nuôi bản thân là 180% mức nghèo do liên bang ấn định cho một hộ gia đình một người, ngoại trừ khoản chi trả tối thiểu giả định là \$50 mỗi tháng cho mỗi con. Mỗi con đều được hưởng một phần thu nhập chia theo tỷ lệ hiện có dùng để cấp dưỡng, nhưng tòa án chỉ áp dụng phần chia theo tỷ lệ cho các con trong hồ sơ trước tòa án. Trước khi xác định có áp dụng hạn chế này hay không, tòa án phải cân nhắc việc liệu áp dụng hạn chế này có phải không công bằng sau khi xem xét quyền lợi tốt nhất của các con và hoàn cảnh của mỗi phụ huynh hay không. Các hoàn cảnh như vậy có thể kể cả việc để lại không đủ tiền trong hộ gia đình của phụ huynh trực tiếp nuôi con nhằm đáp ứng nhu cầu cơ bản của các con, mức độ khó khăn tương đối đối với các hộ gia đình bị ảnh hưởng, tài sản hoặc nợ phải trả và khả năng kiếm tiền. RCW 26.19.065(2)(c).

5. **Khoản giảm trừ:** Khi phụ huynh được yêu cầu chi trả cấp dưỡng con bị giam giữ từ 6 tháng trở lên, cấp dưỡng con có thể tạm thời

giảm xuống còn \$10 mỗi tháng cho mỗi lệnh cấp dưỡng con. Cấp dưỡng con sẽ tăng dần trong năm tiếp theo sau khi phụ huynh được ra khỏi nơi giam giữ. RCW 26.09.320.

6. **Thu nhập trên \$50,000:** Bảng kinh tế tổng hợp này giả định đối với thu nhập ròng hàng tháng kết hợp (sau thuế & khấu trừ) lên đến và bao gồm \$50,000. Khi thu nhập ròng hàng tháng kết hợp (sau thuế & khấu trừ) vượt quá \$50,000, tòa án có thể vượt quá số tiền cấp dưỡng giả định tối đa dựa trên văn bản kết luận thực tế. RCW 26.19.065(3).

Tiêu Chuẩn Điều Chỉnh

1. Lý do để điều chỉnh so với cách tính chuẩn bao gồm nhưng không giới hạn ở các mục sau đây:
- a. **Nguồn thu nhập và kế hoạch thuế:** Tòa án có thể điều chỉnh so với cách tính chuẩn sau khi xem xét các mục sau đây:
- Thu nhập của vợ/chồng mới hoặc bạn đời mới nếu phụ huynh kết hôn với vợ/chồng mới hoặc phụ huynh đang trong mối quan hệ bạn đời với bạn đời mới sẽ yêu cầu điều chỉnh dựa trên bất kỳ lý do nào khác. Thu nhập của vợ/chồng mới hoặc bạn đời mới, tự nó, không phải là một lý do đủ để điều chỉnh;
 - Thu nhập của những người lớn khác trong hộ gia đình nếu phụ huynh đang sống với người lớn khác sẽ yêu cầu điều chỉnh dựa trên bất kỳ lý do nào khác. Thu nhập của những người lớn khác trong hộ gia đình, tự nó, không phải là một lý do đủ để điều chỉnh;
 - Cấp dưỡng con thực sự đã nhận từ các mối quan hệ khác;
 - Quà tặng;
 - Giải thưởng;
 - Sở hữu tài sản, bao gồm nhưng không giới hạn ở tiền tiết kiệm, khoản đầu tư, bất động sản, cổ phần công ty và lợi ích kinh doanh, xe cộ, tàu thuyền, lương hưu, tài khoản ngân hàng, gói bảo hiểm hoặc các tài sản khác;
 - Thu nhập bất thường của con; hoặc
 - Xem xét việc lập kế hoạch thuế. Việc điều chỉnh do lập kế hoạch thuế chỉ có thể được chấp nhận nếu việc lập kế hoạch thuế này không làm cho các con nhận được lợi ích kinh tế ít hơn; hoặc
 - Thu nhập đã bị loại trừ theo RCW 26.19.071(4) (h) nếu người kiếm được thu nhập đó yêu cầu điều chỉnh vì bất kỳ lý do nào khác.

RCW 26.19.075(1)(a).

- b. **Thu nhập không thường xuyên:** Tòa án có thể điều chỉnh so với cách tính chuẩn dựa trên xác nhận rằng một nguồn thu nhập cụ thể được đưa vào cách tính nghĩa vụ cấp dưỡng cơ bản không phải là nguồn thu nhập thường xuyên. Tùy thuộc vào hoàn cảnh, thu nhập không thường xuyên có thể bao gồm tiền làm việc ngoài giờ, phúc lợi liên quan đến hợp đồng, tiền thưởng hoặc thu nhập từ công việc thứ hai. Việc điều chỉnh dựa trên thu nhập không thường xuyên sẽ dựa trên cơ sở tái xét thu nhập không thường xuyên nhận được trong hai năm dương lịch trước đó. RCW 26.19.075(1)(b).
- c. **Nợ và chi phí cao:** Tòa án có thể điều chỉnh so với cách tính chuẩn sau khi xem xét các chi phí sau đây:
- Nợ bất thường không tự nguyện phát sinh;
 - Khoản chênh lệch đáng kể về chi phí sinh hoạt của các phụ huynh do điều kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của họ.
 - Nhu cầu đặc biệt của các con bị khuyết tật;
 - Nhu cầu đặc biệt về y tế, giáo dục hoặc tâm lý của các con; hoặc
 - Chi phí dự kiến mà phụ huynh phải chịu để tuân thủ các nỗ lực đoàn tụ theo lệnh tòa theo chương 13.34 RCW hoặc theo thỏa thuận gửi nuôi tự nguyện với cơ quan giám sát trẻ. RCW 26.19.075(1)(c).
- d. **Lịch trình cư trú:** Tòa án có thể điều chỉnh so với cách tính chuẩn nếu con sống một khoảng thời gian đáng kể với phụ huynh buộc phải thực hiện khoản chi trả chuyên giao cấp dưỡng. Tòa án có thể không điều chỉnh so với cách tính trên cơ sở đó nếu khoản điều chỉnh sẽ dẫn đến việc không đủ tiền trong hộ gia đình đang nhận cấp dưỡng nhằm đáp ứng nhu cầu cơ bản của con hoặc nếu con đang nhận trợ cấp tạm thời dành cho gia đình nghèo khó (TANF). Khi xác định số tiền điều chỉnh, tòa án sẽ xem xét bằng chứng liên quan đến các chi phí gia tăng đối với một phụ huynh đang thực hiện khoản chi trả chuyên giao cấp dưỡng do khoảng thời gian đáng kể dành cho phụ huynh đó và sẽ xem xét các chi phí giảm bớt, nếu có, đối với bên đang nhận cấp dưỡng phát sinh từ khoảng thời gian đáng kể mà con sống với

phụ huynh đang thực hiện khoản chi trả chuyên giao cấp dưỡng. RCW 26.19.075(1)(d).

- e. **Con từ các mối quan hệ khác** Tòa án có thể điều chỉnh so với cách tính chuẩn khi bất kỳ hoặc tất cả phụ huynh trước tòa án có con từ các mối quan hệ khác mà phụ huynh này phải có nghĩa vụ cấp dưỡng.
- Lịch trình cấp dưỡng con sẽ được áp dụng cho các phụ huynh và các con trong gia đình trước khi tòa án xác định số tiền cấp dưỡng giả định.
 - Con từ các mối quan hệ khác không được tính vào số con vì mục đích xác định nghĩa vụ cấp dưỡng cơ bản và cách tính chuẩn.
 - Khi xem xét việc điều chỉnh so với cách tính chuẩn đối với con từ các mối quan hệ khác, tòa án chỉ có thể xem xét các con khác mà phụ huynh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng. Tòa án có thể xem xét các khoản chi trả cấp dưỡng con theo lệnh tòa cho con từ các mối quan hệ khác chỉ trong phạm vi cấp dưỡng thực sự được chi trả.
 - Khi tòa án đã xác định rằng bất kỳ hoặc tất cả phụ huynh có con từ các mối quan hệ khác, các điều chỉnh theo mục này sẽ được dựa trên việc xem xét hoàn cảnh chung của cả hai hộ gia đình. Tất cả nghĩa vụ cấp dưỡng con đã trả, đã nhận và phải trả cho tất cả các con, việc này sẽ được khai báo và xem xét. RCW 26.19.075(1)(e).
2. Tất cả thu nhập và nguồn lực của các bên trước tòa án, vợ/chồng mới hoặc bạn đời và những người lớn khác trong hộ gia đình sẽ được khai báo và xem xét theo quy định trong mục này. Số tiền cấp dưỡng giả định sẽ được xác định theo lịch trình cấp dưỡng con. Trừ khi các lý do cụ thể để điều chỉnh được nêu trong văn bản kết luận thực tế và được chứng minh bằng chứng cứ, tòa án sẽ lệnh cho mỗi phụ huynh phải trả số tiền cấp dưỡng được xác định bằng cách sử dụng cách tính chuẩn. RCW 26.19.075(2).
3. Tòa án sẽ đưa ra kết luận thực tế nêu rõ lý do cho bất kỳ điều chỉnh hay bất kỳ từ chối nào về yêu cầu của một bên đối với bất kỳ điều chỉnh nào so với cách tính chuẩn do tòa án đưa ra. Tòa án sẽ không xem xét lý do để điều chỉnh cho đến khi xác định được cách tính

chuẩn cho mỗi phụ huynh. RCW 26.19.075(3).

4. Khi có lý do để điều chỉnh, tòa án sẽ có sử dụng quyền hạn trong việc xem xét mức độ mà các yếu tố đó sẽ ảnh hưởng đến nghĩa vụ cấp dưỡng. RCW 26.19.075(4).
5. Chính sự thỏa thuận của các bên không phải là lý do thỏa đáng cho bất kỳ điều chỉnh nào so với cách tính chuẩn. RCW 26.19.075(5).

Các Phúc Lợi Đã Chi Trả Được Tính Vào Nghĩa Vụ Cấp Dưỡng Con Của Một Người

Nếu một người lao động bị chấn thương, người khuyết tật, người đã qua đời, người hưu trí hoặc cựu chiến binh cần phải có nghĩa vụ cấp dưỡng con sẽ nhận được một trong các phúc lợi sau đây:

- Các khoản chi trả của Sở Lao Động và Công Nghiệp
- Khoản chi trả của Công Ty Tự Bảo Hiểm
- Sở An Sinh Xã Hội:
 - Phúc lợi An Sinh Xã Hội dành cho người phụ thuộc bị khuyết tật
 - Phúc lợi hưu trí
 - Quyền lợi bảo hiểm cho người sống còn
- Phúc lợi của Sở Quản Trị Cựu Chiến Binh

và cho thấy rằng con hoặc hộ gia đình của con nhận được khoản chi trả từ các phúc lợi đó, khi đó, số tiền chi trả được thực hiện thay mặt cho con hoặc liên quan đến con sẽ được tính vào nghĩa vụ cấp dưỡng con của người này trong cùng thời hạn do phúc lợi bao trả. RCW 26.18.190.

Tiêu Chuẩn Giáo Dục Sau Trung Học

1. Lịch trình cấp dưỡng con sẽ mang tính chất tư vấn và không bắt buộc đối với cấp dưỡng giáo dục sau trung học. RCW 26.19.090(1).
2. Khi xem xét việc có ra lệnh cấp dưỡng cho chi phí giáo dục sau trung học hay không, tòa án sẽ xác định xem trên thực tế con có là người phụ thuộc hay không và có đang dựa vào phụ huynh về các nhu cầu thiết yếu hợp lý của cuộc sống hay không. Tòa án sẽ sử dụng quyền hạn của mình khi xác định xem có cấp dưỡng giáo dục sau trung học hay không và trong bao lâu dựa trên việc xem xét các yếu tố bao gồm nhưng không giới hạn ở các mục sau

đây: tuổi của con; nhu cầu của con; sự kỳ vọng của các bên đối với các con khi phụ huynh ở cùng nhau; triển vọng, mong muốn, năng khiếu, khả năng hoặc khuyết tật của các con; bản chất của giáo dục sau trung học mong muốn và trình độ học vấn của phụ huynh, mức sống cũng như các nguồn lực hiện tại và tương lai. Cũng cần xem xét số tiền và hình thức cấp dưỡng mà con sẽ nhận được nếu các phụ huynh ở cùng nhau. RCW 26.19.090(2).

3. Con phải đăng ký vào một trường học hoặc trường nghề được công nhận, phải tích cực theo đuổi một khóa học tương xứng với mục tiêu nghề nghiệp của con và phải có thành tích học tập tốt theo quy định của trường học. Cấp dưỡng giáo dục sau trung học theo lệnh tòa sẽ tự động bị đình chỉ trong khoảng thời gian hoặc các khoảng thời gian mà con không tuân theo các điều kiện này. RCW 26.19.090(3).
4. Con cũng phải cung cấp tất cả các hồ sơ học tập và kết quả học tập cho cả hai phụ huynh như một điều kiện để được nhận cấp dưỡng giáo dục sau trung học. Mỗi phụ huynh sẽ có quyền truy cập đầy đủ và bình đẳng vào hồ sơ giáo dục sau trung học theo quy định của đạo luật (RCW 26.09.225). RCW 26.19.090(4).
5. Tòa án sẽ không ra lệnh chi trả các chi phí giáo dục sau trung học qua sinh nhật lần thứ 23 của con, trừ các trường hợp ngoại lệ, như tình trạng khuyết tật về tâm thần, thể chất hoặc cảm xúc. RCW 26.19.090(5).
6. Tòa án sẽ chỉ đạo rằng các khoản chi trả của một trong hai hoặc cả hai phụ huynh cho các chi phí giáo dục sau trung học sẽ được chuyển trực tiếp cho cơ sở giáo dục nếu khả thi. Nếu các khoản chi trả trực tiếp không khả thi thì tòa án sử dụng quyền hạn của mình để có thể ra lệnh rằng một trong hai hoặc cả hai phụ huynh sẽ chi trả trực tiếp cho con nếu con không ở cùng với bất kỳ phụ huynh nào. Nếu con ở với một trong hai phụ huynh, tòa án có thể chỉ đạo rằng phụ huynh đang thực hiện khoản chi trả chuyển giao cấp dưỡng sẽ thanh toán cho con hoặc cho phụ huynh đã được nhận khoản chi trả chuyển giao cấp dưỡng này. RCW 26.19.090(6).

LỊCH TRÌNH CẤP DƯỠNG CON CỦA TIỂU BANG WASHINGTON

HƯỚNG DẪN VỀ BẢNG TÍNH

Gia đình hai huynh nên sử dụng WSCSS – Bảng tính 2. Đối với gia đình có ba phụ huynh hợp pháp, hãy sử dụng WSCSS – Bảng tính 3. Đối với gia đình có nhiều hơn ba phụ huynh hợp pháp, quý vị sẽ cần tạo bảng tính của riêng mình.

Bảng tính:

Ngay bên dưới tiêu đề mẫu đơn, hãy đánh dấu vào ô cho biết xem các bảng tính có được đề xuất hay không hoặc một lệnh có được thẩm phán ký hay không. Nếu các bảng tính được đề xuất, hãy đánh dấu vào ô cho biết ai đã đề xuất chúng và điền tên của quý vị.

Điền vào quận của quý vị, số hồ sơ, tên và tuổi của chỉ các con có liên quan đến cấp dưỡng.

Ghi tên quý vị ở trên **Cột 1** và ghi tên phụ huynh còn lại ở trên **Cột 2** (và **Cột 3** nếu có). Phần còn lại của bảng tính, hãy liệt kê thông tin của quý vị dưới **Cột 1** và liệt kê thông tin của phụ huynh còn lại dưới **Cột 2** (và **Cột 3** nếu có).

Phần I: Thu Nhập

Căn cứ theo TIÊU CHUẨN THU NHẬP #1: Xem xét toàn bộ thu nhập, “chỉ thu nhập của phụ huynh của các con có liên quan đến cấp dưỡng sẽ được xác định vì mục đích tính nghĩa vụ cấp dưỡng cơ bản”. (Xem trang 2.)

Căn cứ theo TIÊU CHUẨN THU NHẬP #2: Xác nhận thu nhập, “tờ khai thuế trong hai năm trước đó và cù lương hiện tại cần phải có vì mục đích xác nhận thu nhập. Việc xác nhận đầy đủ khác sẽ cần phải có đối với thu nhập và các khoản khấu trừ không xuất hiện trong tờ khai thuế hoặc cù lương.” (Xem trang 2.)

Thu Nhập Gộp Hàng Tháng (trước thuế & khấu trừ)

Thu nhập gộp hàng tháng (trước thuế & khấu trừ) được xác định theo TIÊU CHUẨN THU NHẬP #3: Các nguồn thu nhập được tính vào thu nhập gộp hàng tháng (trước thuế & khấu trừ). (Xem trang 2.)

Các khoản loại trừ thu nhập được xác định theo TIÊU CHUẨN THU NHẬP #4: Các nguồn thu nhập được loại trừ khỏi thu nhập gộp hàng tháng (trước thuế & khấu trừ). (Xem trang 2.) Thu nhập đã loại trừ phải được khai báo và liệt kê trong Phần VIII của bảng tính.

Bình Quân Thu Nhập Hàng Tháng:

- Nếu thu nhập thay đổi trong năm, hãy chia tổng thu nhập hàng năm cho 12.
- Nếu được chi trả hàng tuần, hãy nhân thu nhập hàng tuần với 52 và chia cho 12.

- Nếu được chi trả cách hai tuần một lần, hãy nhân thu nhập hai tuần với 26 và chia cho 12.
- Nếu được chi trả hai lần một tháng (mỗi tháng hai lần), hãy nhân thu nhập mỗi tháng hai lần với 24 và chia cho 12.

DÒNG 1a, Tiền Công và Tiền Lương: Nhập tổng bình quân hàng tháng của tất cả các khoản tiền lương, tiền công, phúc lợi liên quan đến hợp đồng, tiền thưởng và thu nhập từ làm việc ngoài giờ và công việc thứ hai không bị loại trừ khỏi thu nhập theo RCW 26.19.071(4)(i).

DÒNG 1b, Thu Nhập Từ Lãi và Cổ Tức: Nhập tổng bình quân hàng tháng của thu nhập từ lãi và cổ tức.

DÒNG 1c, Thu Nhập Của Doanh Nghiệp: Nhập bình quân thu nhập hàng tháng từ việc tự làm chủ, cho thuê nhà, bản quyền, hợp đồng, quyền sở hữu một doanh nghiệp hoặc quyền đồng sở hữu một công ty hợp danh hay công ty giới hạn số thành viên.

DÒNG 1d, Khoản Cấp Dưỡng Nhận Được: Nhập số tiền cấp dưỡng hàng tháng thực sự nhận được.

DÒNG 1e, Thu Nhập Khác: Nhập tổng bình quân hàng tháng của thu nhập khác. (Thu nhập khác bao gồm, nhưng không giới hạn ở: tiền hoàn thuế thu nhập, thu nhập từ quỹ tín thác, trợ cấp thôi việc, lãi niên kim, lãi vốn, phúc lợi hưu trí, bồi thường cho người lao động, trợ cấp thất nghiệp, phúc lợi an sinh xã hội và quyền lợi bảo hiểm khuyết tật.)

DÒNG 1f, Thu Nhập Ước Tính: Nhập thu nhập gộp hàng tháng (trước thuế & khấu trừ) ước tính cho một phụ huynh tự nguyện thất nghiệp, làm việc dưới khả năng của mình hoặc nếu quý vị không có hồ sơ thu nhập thực sự của một phụ huynh. Tham khảo TIÊU CHUẨN THU NHẬP #6: Xác định thu nhập ước tính. (Xem trang 3.) Xác định thu nhập ước tính bằng cách sử dụng phương pháp đầu tiên có thể dựa trên thông tin mà quý vị có theo thứ tự sau đây:

Tính thu nhập toàn thời gian bằng cách sử dụng:

1. Mức lương hiện tại;
2. Mức lương trước đây dựa trên thông tin đáng tin cậy;
3. Mức lương trước đây, nếu thông tin hiện tại không đầy đủ hay rời rạc;
4. Thu nhập 32 giờ mỗi tuần ở mức lương tối thiểu nơi phụ huynh sống nếu phụ huynh này đang trong chương trình TANF hiện tại hoặc gần đây

đã nhận được trợ cấp chính phủ, vừa mới ra tù, hay vừa tốt nghiệp trung học (nếu hiện đăng ký tại trường trung học và tự nguyện thất nghiệp hoặc làm việc dưới khả năng của mình, xác định thu nhập ước tính ở mức 20 giờ mỗi tuần với mức lương tối thiểu nơi phụ huynh này sống); hoặc

5. Mức lương tối thiểu nơi phụ huynh sống khi phụ huynh này có quá trình lương tối thiểu, chưa bao giờ được thuê làm hoặc không có quá trình thu nhập đáng kể.

Thông tin mức lương trước đây có thể hiện có từ Nhà Cấp Dưỡng Con. Sử dụng mẫu đơn 18-701: “Yêu Cầu Cung Cấp Thông Tin Thu Nhập Để Lập Lệnh Cấp Dưỡng Con”, hiện có trực tuyến tại:

<http://www.dshs.wa.gov/dcs/Resources/Forms.asp>

Nếu quý vị xác định thu nhập ước tính bằng cách sử dụng một trong năm phương pháp, trên đây, hãy nhập số tiền này vào dòng 1f. Ngoài ra, trong dòng 26 của Bảng Tính, hãy giải thích phương pháp nào mà quý vị đã sử dụng để xác định thu nhập ước tính và cách thức quý vị đã tính số tiền thu nhập ước tính.

Nếu quý vị không thể sử dụng bất kỳ phương pháp nào trên đây, hãy xác định thu nhập ước tính ròng hàng tháng (sau thuế & khấu trừ) của phụ huynh này bằng cách sử dụng bảng dưới đây, và nhập chữ số thích hợp cho tuổi tác và giới tính của phụ huynh này vào **dòng 1f và dòng 3**. Bảng dưới đây cho thấy thu nhập ròng (sau thuế & khấu trừ) sau khi trừ các khoản khấu trừ. Do đó, nếu quý vị xác định thu nhập ước tính bằng cách sử dụng bảng này, quý vị sẽ không nhập bất kỳ khoản khấu trừ nào vào bảng tính dưới dòng 2. Để trống dòng 2a đến 2i. Đối với phụ huynh này, hãy đi đến dòng 4.

Ngoài ra, trong dòng 26 của Bảng Tính, hãy giải thích rằng thu nhập ròng (sau thuế & khấu trừ) đã được ước tính bằng cách sử dụng Bảng Thu Nhập Ròng Bình Quân Hàng Tháng Ước Tính (sau thuế & khấu trừ).

Thu Nhập Ròng Bình Quân Hàng Tháng Ước Tính (sau thuế & khấu trừ)

NAM	Tuổi	NỮ
\$2,975	15-24	\$2,684
\$4,513	25-34	\$4,015
\$5,499	35-44	\$4,598
\$5,825	45-54	\$4,719
\$5,804	55-64	\$4,370
\$6,682	65 +	\$4,720

Cục Thống Kê Dân Số Hoa Kỳ, Khảo Sát Dân Số Hiện Tại, Phụ Lục Kinh Tế và Xã Hội Hàng Năm 2025, Bảng PINC-01. Các Đặc Tính Chọn Lọc của Những Người Từ 15 Tuổi Trở Lên Theo Tổng Thu Nhập Tiền Mặt năm 2024, Kinh Nghiệm Làm Việc năm 2024, Chủng Tộc, Nguồn Gốc Hispanic và Giới Tính, Làm Việc Toàn Thời Gian, Cả Năm.

[Thu nhập ròng (sau thuế & khấu trừ) đã được xác định bằng cách trừ FICA (7.65%) và nghĩa vụ thuế đối với một người độc thân (một khoản khấu trừ thuế).]

DÒNG 1g, Tổng Thu Nhập Gộp Hàng Tháng (trước thuế & khấu trừ): Cộng số tiền thu nhập hàng tháng của mỗi phụ huynh (dòng 1a đến 1f) và nhập tổng số vào dòng 1g.

Các Khoản Khấu Trừ Hàng Tháng từ Thu Nhập Gộp (trước thuế & khấu trừ)

Các khoản khấu trừ hàng tháng hợp lệ từ thu nhập gộp (trước thuế & khấu trừ) được xác định theo TIÊU CHUẨN THU NHẬP # 5: Xác định thu nhập ròng (sau thuế & khấu trừ). (Xem trang 2.)

Bình Quân Khấu Trừ Hàng Tháng: Nếu khoản khấu trừ là hàng năm hoặc thay đổi trong năm, hãy chia tổng khấu trừ hàng năm cho 12 để xác định số tiền hàng tháng.

DÒNG 2a, Thuế Thu Nhập: Nhập số tiền ròng hàng tháng thực sự phải nộp cho thuế thu nhập của tiểu bang và liên bang. (Số tiền thuế thu nhập được khấu trừ trên bảng lương có thể không phải là số tiền thuế thu nhập thực sự phải nộp do hoàn thuế, khấu trừ thuế, v.v. Điều phù hợp là phải xem xét tờ khai thuế từ các năm trước là cho biết số tiền thuế thu nhập thực sự phải nộp nếu thu nhập không thay đổi.)

DÒNG 2b, FICA/Thuế Tự Doanh: Nhập tổng số tiền hàng tháng phải nộp cho FICA, An Sinh Xã Hội, Medicare và thuế Tự Doanh.

DÒNG 2c, Khoản Khấu Trừ Bắt Buộc Của Tiểu Bang: Nhập số tiền hàng tháng của các khoản khấu trừ bắt buộc theo quy định tiểu bang, bao gồm phí bảo hiểm tiểu bang đã trả, chương trình nghỉ phép ốm và gia đình được trả lương và chương trình quỹ hỗ trợ và dịch vụ dài hạn.

DÒNG 2d, Khoản Khấu Trừ Bảo Hiểm Lao Động Của Tiểu Bang: Nhập số tiền hàng tháng của các khoản khấu trừ bảo hiểm lao động theo quy định tiểu bang như Thuế Quỹ Trợ Cấp Y Tế, Thuế Quỹ Tai Nạn và Thuế Quỹ Hưu Trí Bồ Sung. Sở làm tự bảo hiểm có thể sử dụng các điều khoản khác nhau cho khoản khấu trừ.

DÒNG 2e, Phí Công Đoàn/Phí Nghề Nghiệp Bắt Buộc: Nhập chi phí hàng tháng về phí công đoàn hoặc phí nghề nghiệp bắt buộc.

DÒNG 2f, Khoản Đóng Góp Quỹ Hưu Trí Bất Buộc: Nhập chi phí hàng tháng về số tiền đóng góp quỹ hưu trí bắt buộc.

DÒNG 2g, Khoản Đóng Góp Hưu Trí Tự Nguyện: Nhập chi phí hàng tháng về khoản đóng góp hưu trí tự nguyện. Chia số tiền đóng góp hưu trí tự nguyện, lên đến \$5,000 mỗi năm, cho 12 để tính chi phí hàng tháng. (Để biết thêm thông tin các hạn chế về khấu trừ khoản đóng góp hưu trí tự nguyện hợp lệ, hãy tham khảo TIÊU CHUẨN THU NHẬP #5: Xác định thu nhập ròng (sau thuế & khấu trừ). Xem trang 2.)

DÒNG 2h, Khoản Cấp Dưỡng Đã Trả: Nhập số tiền cấp dưỡng hàng tháng thực sự đã chi trả căn cứ theo lệnh tòa.

DÒNG 2i, Chi Phí Kinh Doanh Thông Thường: Nếu tự làm chủ, hãy nhập số tiền chi phí kinh doanh thông thường. (Căn cứ theo TIÊU CHUẨN THU NHẬP #5: Xác định thu nhập ròng (sau thuế & khấu trừ), “cần phải giải trình đối với bất kỳ khoản khấu trừ chi phí kinh doanh nào có tranh chấp”. Xem trang 2.)

DÒNG 2j, Tổng Khấu Trừ Từ Thu Nhập Gộp (trước thuế & khấu trừ): Cộng các khoản khấu trừ hàng tháng của mỗi phụ huynh (dòng 2a đến 2i) và nhập các tổng vào dòng 2j.

DÒNG 3, Thu Nhập Ròng Hàng Tháng (sau thuế & khấu trừ): Đối với mỗi phụ huynh, hãy trừ tổng khấu trừ (dòng 2j) khỏi tổng thu nhập gộp hàng tháng (trước thuế & khấu trừ) (dòng 1g) và nhập các số tiền này vào dòng 3.

DÒNG 4, Thu Nhập Ròng Hàng Tháng Kết Hợp (sau thuế & khấu trừ): Cộng thu nhập ròng hàng tháng (sau thuế & khấu trừ) của phụ huynh (dòng 3) và nhập tổng vào dòng 4.

DÒNG 5, Nghĩa Vụ Cấp Dưỡng Con Cơ Bản: Trong phần trống được cung cấp ở dòng 5, hãy nhập số tiền nghĩa vụ cấp dưỡng cơ bản được xác định cho mỗi con. Cộng các số tiền này với nhau và nhập tổng trong ô ở dòng 5. (Để xác định nghĩa vụ cấp dưỡng cơ bản cho mỗi con, hãy xem hướng dẫn sử dụng bảng kinh tế tổng hợp sau đây.)

Hướng Dẫn Sử Dụng Bảng Kinh Tế Tổng Hợp

Để sử dụng Bảng Kinh Tế Tổng Hợp nhằm xác định số tiền cấp dưỡng riêng cho mỗi con:

- Xác định Mức Thu Nhập Hàng Tháng Kết Hợp gần nhất với số tiền trên dòng 4 của Bảng Tính. Làm tròn xuống nếu hai chữ số cuối của Thu Nhập Hàng Tháng Kết Hợp bằng 49 hoặc thấp hơn. Làm tròn lên nếu hai chữ số cuối của Thu Nhập Hàng Tháng Kết Hợp bằng 50 hoặc cao hơn.
- Xác định ở hàng trên cùng về cỡ gia đình tương ứng với số con đang được xác định tiền cấp dưỡng con (khi xác định cỡ gia đình cho các bảng tính được yêu cầu, không bao gồm con từ các mối quan hệ khác) và khoanh tròn số trong cột dưới cỡ gia đình năm đối diện với thu nhập ròng (sau thuế & khấu trừ). Số tiền được khoanh tròn là số tiền cấp dưỡng cơ bản cho mỗi con.

DÒNG 6, Tỷ Lệ Chia Theo Thu Nhập: Chia thu nhập ròng hàng tháng (sau thuế & khấu trừ) của mỗi phụ huynh (dòng 3) cho thu nhập ròng hàng tháng kết hợp (dòng 4) và nhập các số tiền này vào dòng 6. (Các mục ở dòng 6 khi cộng lại sẽ bằng 1.00.)

Ví dụ: Thu nhập ròng kết hợp hàng tháng (sau thuế & khấu trừ) của cả hai phụ huynh là \$6,200. Phụ Huynh 1 kiếm \$3,000 mỗi tháng và Phụ Huynh 2 kiếm \$3,200 mỗi tháng. Tỷ lệ chia theo thu nhập của Phụ Huynh 1 là 48.4% ($3000 \div 6200 = .4839 = 48.4\%$). Tỷ lệ chia theo thu nhập của Phụ Huynh 2 là 51.6% ($3200 \div 6200 = .516 = 51.6\%$).

Phần II: Nghĩa Vụ Cấp Dưỡng Con Cơ Bản

DÒNG 7, Nghĩa Vụ Cấp Dưỡng Con Cơ Bản Của Mỗi Phụ Huynh Không Tính Đến Các Hạn Chế Thu Nhập Thấp: Nhân tổng nghĩa vụ cấp dưỡng con cơ bản (số tiền trong ô ở dòng 5) với tỷ lệ chia thu nhập cho mỗi phụ huynh (dòng 6) và nhập các số tiền này vào dòng 7. (Các số tiền đã nhập ở dòng 7 cộng lại phải bằng với số tiền đã nhập ở dòng 5.)

Ví dụ: Tổng thu nhập ròng hàng tháng (sau thuế & khấu trừ) của hai phụ huynh là \$6,200. Họ có 2 con. Bảng kinh tế tổng hợp cho thấy nghĩa vụ cấp dưỡng con cơ bản là \$804, \$1,608 cho cả hai con ($804 \times 2 = \$1,608$). Tỷ lệ chia theo thu nhập của Phụ Huynh 1 là 48.4%, do đó nghĩa vụ trợ cấp cơ bản của Phụ Huynh 1 là \$778.27 ($1608 \times .484 = \$778.27$). Tỷ lệ chia theo thu nhập của Phụ Huynh 2 là 51.6%, do đó nghĩa vụ trợ cấp cơ bản của Phụ Huynh 2 là \$829.73 ($1608 \times .516 = \$829.73$).

DÒNG 8, Tính Các Hạn Chế Thu Nhập Thấp:

Chỉ điền vào các mục thích hợp.

Để tính tiêu chuẩn hạn chế thu nhập thấp ở dòng 8b — 8d, quý vị sẽ cần biết số tiền dự trữ tự nuôi bản thân, bằng 180% mức nghèo hiện hành do liên bang ấn định cho gia đình một người. Kể từ ngày 13 Tháng Một, 2026, 180% mức nghèo do liên bang ấn định đã là \$2,394. Hướng dẫn và khoản dự trữ tự nuôi bản thân thường thay đổi hàng năm. Để kiểm tra số tiền dự trữ tự nuôi bản thân hiện tại, hãy truy cập vào trang web của tòa án tại: www.courts.wa.gov hoặc đi đến www.WashingtonLawHelp.org. Nhập số tiền dự trữ tự nuôi bản thân vào khoảng trống được quy định ở dòng 8. (Để biết thêm thông tin, hãy xem TIÊU CHUẨN HẠN CHẾ #2 ở trang 4 về Định Nghĩa và Tiêu Chuẩn.)

8a. Thu nhập ròng kết hợp có ít hơn \$2,200 không? Nếu thu nhập ròng hàng tháng kết hợp (sau thuế & khấu trừ) ở dòng 4 ít hơn \$2,200, hãy nhập số tiền nghĩa vụ cấp dưỡng gia đình của mỗi phụ huynh là \$50 cho mỗi con. **Không** nhập số tiền vào dòng 8a nếu thu nhập kết hợp ở dòng 4 nhiều hơn \$2,200.

8b. Thu nhập ròng hàng tháng có ít hơn khoản dự trữ tự nuôi bản thân không? Đối mỗi phụ huynh có thu nhập ròng hàng tháng (sau thuế &

khấu trừ) ở dòng 3 ít hơn khoản dự trữ tự nuôi bản thân, hãy nhập số tiền nghĩa vụ cấp dưỡng gia đình của phụ huynh là \$50 cho mỗi con.

Không sử dụng ô này đối với một phụ huynh có thu nhập ròng (sau thuế & khấu trừ) ở dòng 3 nhiều hơn khoản dự trữ tự nuôi bản thân.

- 8c. Thu nhập ròng hàng tháng có bằng hoặc nhiều hơn khoản dự trữ tự nuôi bản thân không?** Trừ khoản dự trữ tự nuôi bản thân từ dòng 3 và nhập số tiền này hoặc nhập \$50 cho mỗi con tùy theo số tiền nào nhiều hơn. **Không** sử dụng ô này đối với số tiền nhiều hơn số tiền ở dòng 7.

Ví dụ: Từ ví dụ trên đây, nếu không xem xét các hạn chế thu nhập thấp, nghĩa vụ cấp dưỡng cơ bản của Phụ Huynh 1 là \$778.27. Thu nhập của Phụ Huynh 1 là \$3,000 nhiều hơn khoản dự trữ tự nuôi bản thân là \$2,394. Đối với 8c, nghĩa vụ của Phụ Huynh 1 là \$606 ($3000 - 2394 = \$606$). Vì số này ít hơn \$778.27, hãy nhập số này vào dòng 8c.

- 8d. Có phụ huynh nào có con ruột hoặc con hợp pháp không liên quan đến hồ sơ này không?** Lấy số tiền dòng 3 trừ đi mức dự phòng tự nuôi sống bản thân, rồi chia kết quả cho tổng số con ruột hoặc con hợp pháp mà mỗi phụ huynh có. Nhân số tiền đó với số con liên quan đến hồ sơ này. Nhập số tiền đó vào dòng 8d hoặc ghi mức mặc định là \$50 cho **mỗi trẻ trong vụ việc này**, tùy theo mức nào nhiều hơn.

Ví dụ 1: Từ ví dụ trên đây, Phụ Huynh 1 có con ruột hoặc con hợp pháp thứ ba. Dựa vào dòng 8c, số tiền hiện có cho mỗi trong 3 con là \$202 ($606 \div 3 = \$202$). Đối với 2 con trong hồ sơ này, nghĩa vụ cấp dưỡng là \$404 ($202 \times 2 = \$404$). Vì số này ít hơn \$778.27, hãy nhập số này vào dòng 8d.

Ví dụ 2: Tòa án đang ấn định mức trợ cấp cho 2 đứa con, Phụ huynh A có thêm 3 đứa con khác. Thu nhập của Phụ huynh A là 3.500 đô la và nghĩa vụ trợ cấp cơ bản của họ là 643 đô la. Sau khi trừ đi khoản dự trữ tự nuôi sống, còn lại 1.106 đô la ($3500 - 2394 = 1106$ đô la). Chia 1.106 đô la cho tổng số 5 đứa con của Phụ huynh A ($1106 \div 5 = 221,20$). Nhân 221,20 đô la với số con trong trường hợp này, nghĩa vụ trợ cấp là 442,40 đô la ($221,20 \times 2 = 442,40$ đô la). Vì con số này nhỏ hơn 643 đô la, hãy nhập nó vào dòng 8d.

DÒNG 9, Nghĩa Vụ Cấp Dưỡng Con Cơ Bản Của Mỗi Phụ Huynh Sau Khi Tính Các Hạn Chế Có Thể Áp Dụng: Đối với mỗi phụ huynh, hãy nhập số tiền ít nhất từ dòng 7, 8a – 8d, nhưng không ít hơn số tiền gia đình \$50 cho mỗi con.

Phần III: Chi Phí Chăm Sóc Sức Khỏe, Giữ Trẻ và Nuôi Dạy Trẻ Đặc Biệt

Căn cứ theo TIÊU CHUẨN PHÂN BỐ #4: “tòa án có thể sử dụng quyền hạn của mình để xác định sự cần thiết và tính hợp lý của tất cả các số tiền theo lệnh vượt quá nghĩa vụ cấp dưỡng con cơ bản.” (Xem trang 4.)

Căn cứ theo TIÊU CHUẨN PHÂN BỐ #2: Chi phí chăm sóc sức khỏe và #3: Chi phí giữ trẻ và nuôi dạy trẻ đặc biệt, chi phí chăm sóc sức khỏe, giữ trẻ và nuôi dạy trẻ đặc biệt sẽ được các phụ huynh chia theo một tỷ lệ giống như nghĩa vụ cấp dưỡng cơ bản. (Xem trang 4.) **LƯU Ý:** Lệnh tòa sẽ phản ánh rằng chi phí chăm sóc sức khỏe, giữ trẻ và nuôi dạy trẻ đặc biệt không liệt kê nên được phân bổ theo một tỷ lệ giống như nghĩa vụ cấp dưỡng con cơ bản.

Bình Quân Chi Phí Hàng Tháng: Nếu chi phí chăm sóc sức khỏe, giữ trẻ hoặc nuôi dạy trẻ đặc biệt tính theo năm hoặc thay đổi trong năm, hãy chia tổng chi phí hàng năm cho 12 để xác định số tiền hàng tháng.

Chi Phí Chăm Sóc Sức Khỏe

DÒNG 10a, Phí Bảo Hiểm Y Tế Hàng Tháng Đã Chi Trả Cho Các Con: Liệt kê số tiền hàng tháng được mỗi phụ huynh chi trả bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho các con trong mối quan hệ. (Khi xác định số tiền phí bảo hiểm, không bao gồm phần phí bảo hiểm do sở làm hoặc bên thứ ba khác chi trả và/hoặc phần phí bảo hiểm bao trả cho phụ huynh hoặc các thành viên khác trong hộ gia đình.)

DÒNG 10b, Chi Phí Chăm Sóc Sức Khỏe Hàng Tháng Không Có Bảo Hiểm Được Chi Trả Cho Các Con: Liệt kê số tiền hàng tháng do mỗi phụ huynh chi trả chi phí chăm sóc sức khỏe cho các con không được bảo hiểm bồi hoàn.

DÒNG 10c, Tổng Chi Phí Chăm Sóc Sức Khỏe Hàng Tháng: Đối với mỗi phụ huynh, hãy cộng các khoản chi trả phí bảo hiểm y tế (dòng 10a) với các khoản chi trả chăm sóc sức khỏe không có bảo hiểm (dòng 10b) và nhập các số tiền này vào dòng 10c.

DÒNG 10d, Chi Phí Chăm Sóc Sức Khỏe Hàng Tháng Kết Hợp: Cộng tổng các khoản chi trả chăm sóc sức khỏe của phụ huynh (dòng 10c) và nhập số tiền này vào dòng 10d.

Chi Phí Giữ Trẻ và Đặc Biệt

DÒNG 11a, Chi Phí Giữ Trẻ: Nhập bình quân chi phí giữ trẻ hàng tháng.

DÒNG 11b, Chi Phí Giáo Dục: Nhập bình quân học phí hàng tháng và các chi phí liên quan đến giáo dục khác.

DÒNG 11c, Chi Phí Vận Chuyển Đường Dài: Nhập bình quân chi phí vận chuyển đường dài hàng tháng được phát sinh theo lịch trình cư trú hoặc thăm nom.

DÒNG 12, Tổng Chi Phí Giữ Trẻ và Đặc Biệt Hàng Tháng Kết Hợp: Cộng tổng chi phí của phụ huynh (dòng 11e) và nhập tổng này vào dòng 12.

DÒNG 13, Tổng Chi Phí Chăm Sóc Sức Khỏe, Giữ Trẻ và Đặc Biệt: Cộng chi phí chăm sóc sức khỏe (dòng 10d) với tổng chi phí giữ trẻ và đặc biệt hàng tháng kết hợp (dòng 12) và nhập số tiền này vào dòng 13.

DÒNG 14, Nghĩa Vụ Của Mỗi Phụ Huynh về Chi Phí Chăm Sóc Sức Khỏe, Giữ Trẻ và Đặc Biệt: Nhân tổng số tiền chi phí chăm sóc sức khỏe, giữ trẻ và đặc biệt (dòng 13) với tỷ lệ thu nhập của mỗi phụ huynh (dòng 6) và nhập các số tiền này vào dòng 14.

Ví dụ: Con có các chi phí giữ trẻ và chăm sóc sức khỏe là \$1,100 mỗi tháng. Tỷ lệ chia theo cấp dưỡng con của Phụ Huynh 1 là 48.4% và tỷ lệ chia theo cấp dưỡng con của Phụ Huynh 2 là 51.6%. Phần chia theo chi phí giữ trẻ và chăm sóc sức khỏe của Phụ Huynh 1 là \$532.40 ($1100 \times .484 = \$532.40$) và của Phụ Huynh 2 là \$567.60 ($1100 \times .516 = \$567.60$).

DÒNG 15, Tổng Nghĩa Vụ Cấp Dưỡng Con (trước thuế & khấu trừ): Đối với mỗi phụ huynh, hãy cộng nghĩa vụ cấp dưỡng con cơ bản (dòng 9) với nghĩa vụ về chi phí chăm sóc sức khỏe, giữ trẻ và đặc biệt (dòng 14). Nhập các số tiền này vào dòng 15.

Ví dụ: Nghĩa vụ cấp dưỡng con cơ bản của Phụ Huynh 1 là \$778.27 và phân chia theo các chi phí là \$532.40. Tổng nghĩa vụ cấp dưỡng con (trước thuế & khấu trừ) của Phụ Huynh 1 là \$1,310.67 ($778.27 + 532.40 = \$1,310.67$). Nghĩa vụ cấp dưỡng con cơ bản của Phụ Huynh 2 là \$829.73 và phân chia theo các chi phí là \$567.60. Tổng nghĩa vụ cấp dưỡng con (trước thuế & khấu trừ) của Phụ Huynh 2 là \$1,397.33 ($829.73 + 567.60 = \$1,397.33$).

Phần V: Khoản Tín Dụng Cấp Dưỡng Con

Các khoản tín dụng cấp dưỡng con được cung cấp trong trường hợp phụ huynh chi trả trực tiếp cho các bên thứ ba về chi phí hàng hóa và dịch vụ được đưa vào nghĩa vụ cấp dưỡng theo cách tính chuẩn (ví dụ: các khoản chi trả công ty bảo hiểm hoặc nhà cung cấp dịch vụ giữ trẻ).

DÒNG 16a, Khoản Tín Dụng Chi Phí Chăm Sóc Sức Khỏe Hàng Tháng: Nhập tổng số tiền chi phí chăm sóc sức khỏe hàng tháng từ dòng 10c của mỗi phụ huynh.

DÒNG 16b, Khoản Tín Dụng Chi Phí Giữ Trẻ và Đặc Biệt: Nhập tổng số tiền chi phí giữ trẻ và đặc biệt từ dòng 11e của mỗi phụ huynh.

DÒNG 16c, Khoản Tín Dụng Chi Phí Thông Thường Khác: Nếu đang yêu cầu phê duyệt một khoản tín dụng chi phí thông thường khác, hãy ghi rõ chi phí trong khoảng trống được quy định và nhập bình quân chi phí hàng tháng vào cột của phụ huynh được nhận khoản tín dụng. (Nói chung, giả định là các chi phí thông thường được chi trả theo nơi cư trú của các con. Nếu khoản chi trả chi phí thông thường cụ thể không thực hiện theo giả định này, phụ huynh đang chi trả chi phí này có thể yêu cầu phê duyệt một khoản tín dụng chi phí thông thường. Khoản tín dụng này là theo quyết định của tòa án.)

DÒNG 16d, Tổng Các Khoản Tín Dụng Cấp

Dưỡng: Đối với mỗi phụ huynh, hãy cộng các khoản ghi từ dòng 16a đến 16c và nhập các tổng vào dòng 16d.

Phần VI: Cách Tính Chuẩn/Khoản Chi Trả Chuyển Giao Giả Định

DÒNG 17, Đối Với Mỗi Phụ Huynh: Trừ tổng các khoản tín dụng cấp dưỡng (dòng 16d) từ tổng nghĩa vụ cấp dưỡng con (trước thuế & khấu trừ) (dòng 15) và nhập các số tiền kết quả vào dòng 17. Nếu số tiền ít hơn \$50 cho mỗi con của bất kỳ phụ huynh nào, thì nhập nghĩa vụ cấp dưỡng tối thiểu giả định là \$50 cho mỗi con, thay vì số tiền ít hơn đó.

Phần VII: Cách Tính Thông Tin Bỏ Sung

DÒNG 18, 45% Thu Nhập Ròng Của Mỗi Phụ Huynh từ Dòng 3: Đối với mỗi phụ huynh, hãy nhân dòng 3 với .45. Tham khảo TIÊU CHUẨN HẠN CHẾ #1: Hạn chế ở mức 45% thu nhập ròng (sau thuế & khấu trừ) của một phụ huynh. (Xem trang 4.)

DÒNG 19, 25% Nghĩa Vụ Cấp Dưỡng Cơ Bản Của Mỗi Phụ Huynh từ Dòng 9: Đối với mỗi phụ huynh, hãy nhân dòng 9 với .25.

Phần VIII: Các Yếu Tố Bỏ Sung Cần Xem Xét

Căn cứ theo TIÊU CHUẨN THU NHẬP #1: Xem xét toàn bộ thu nhập: “tất cả thu nhập và nguồn lực hộ gia đình của mỗi phụ huynh sẽ được tòa án tiết lộ và xem xét khi tòa án xác định nghĩa vụ cấp dưỡng con của mỗi phụ huynh.” (Xem trang 2.)

DÒNG 20 a-f, Tài Sản Của Hộ Gia Đình: Nhập giá trị hiện tại được ước tính về tài sản của hộ gia đình.

DÒNG 21, Nợ Của Hộ Gia Đình: Trình bày và nhập số tiền thế chấp đối với tài sản thuộc sở hữu của hộ gia đình và/hoặc bất kỳ khoản nợ bất thường nào.

Thu Nhập Khác Của Hộ Gia Đình

DÒNG 22a, Thu Nhập Của Vợ/Chồng hoặc Bạn Đời Hiện Tại: Nếu một phụ huynh hiện đã kết hôn hoặc có mối quan hệ sống chung với người nào đó không phải là phụ huynh của các con đang được xác định cấp dưỡng, hãy liệt kê tên và nhập thu nhập của vợ/chồng hoặc bạn đời hiện tại.

DÒNG 22b, Thu Nhập Của Những Người Lớn Khác Trong Hộ Gia Đình: Liệt kê tên và nhập thu nhập của những người lớn khác đang ở trong hộ gia đình.

DÒNG 22c, Thu nhập gộp (trước thuế & khấu trừ) từ làm việc ngoài giờ hoặc từ công việc thứ hai mà bên đang yêu cầu tòa án **loại trừ** theo TIÊU CHUẨN THU NHẬP #4, Các nguồn thu nhập được loại trừ khỏi thu nhập gộp hàng tháng (trước thuế & khấu trừ). (Xem trang 2.)

DÒNG 22d, Thu Nhập Của Các Con: Nếu số tiền được xem là bất thường, hãy liệt kê tên và ghi thu nhập của các con đang ở trong nhà.

DÒNG 22e, Thu Nhập từ Cấp Dưỡng Con: Liệt kê tên các con nhận cấp dưỡng và nhập số tiền thu nhập cấp dưỡng. Không bao gồm các con đang được xác định cấp dưỡng.

DÒNG 22f, Thu Nhập từ Các Chương Trình Trợ Cấp: Liệt kê chương trình và nhập số tiền của bất kỳ thu nhập nào nhận được từ các chương trình trợ cấp. (Các chương trình trợ cấp bao gồm, nhưng không giới hạn ở: Trợ Cấp Tạm Thời dành cho Gia Đình Nghèo Khó (TANF); SSI; trợ cấp chung, tem phiếu thực phẩm và các khoản trợ giúp, và trợ cấp đi học.)

DÒNG 22g, Thu Nhập Khác: Trình bày và nhập số tiền của bất kỳ thu nhập nào khác trong hộ gia đình. (Bao gồm thu nhập từ quà tặng và giải thưởng ở dòng này.)

DÒNG 23, Thu Nhập Không Thường Xuyên: Trình bày và nhập số tiền của bất kỳ thu nhập nào được đưa vào trong cách tính thu nhập gộp (trước thuế & khấu trừ) (DÒNG 1g) không thường xuyên. (Căn cứ theo TIÊU CHUẨN ĐIỀU CHỈNH #1b: Thu nhập không thường xuyên, “tùy thuộc vào hoàn cảnh, thu nhập không thường xuyên có thể bao gồm làm việc ngoài giờ, phúc lợi liên quan đến hợp đồng, tiền thưởng hoặc thu nhập từ công việc thứ hai”. Xem trang 6.)

DÒNG 24, Cấp Dưỡng Con Hàng Tháng Theo Lệnh cho Các Con Khác. Liệt kê tên và tuổi, đồng thời nhập số tiền cấp dưỡng con cần phải cấp dưỡng cho các con khác, (không phải là các con đang được xác định cấp dưỡng). Cấp dưỡng có được chi trả không? Đánh dấu vào ☐ Có hoặc ☐ Không.

DÒNG 25, Các Con Khác Đang Sống trong Mỗi Hộ Gia Đình: Liệt kê tên và tuổi của các con đang sống trong mỗi hộ gia đình, ngoài các con đang được xác định cấp dưỡng.

DÒNG 26, Các Yếu Tố Khác Cần Xem Xét: Trong khoảng trống được quy định, hãy liệt kê bất kỳ yếu tố nào khác nên được xem xét khi xác định nghĩa vụ cấp dưỡng con. (Để biết thông tin liên quan đến các yếu tố khác cần xem xét, hãy tham khảo TIÊU CHUẨN ĐIỀU CHỈNH. Xem trang 5.) Ngoài ra, hãy sử dụng khoảng trống này để giải thích cách thức quý vị đã tính thu nhập và các khoản khấu trừ ở dòng 1 và 2.

Hồ Sơ Về Quyền Giám Hộ: Khi các con không ở với bất kỳ phụ huynh nào, thu nhập hộ gia đình và nguồn lực của (những) người giám hộ của các con phải được liệt kê ở dòng 26.

Lịch Trình Cấp Dưỡng Con Của Tiểu Bang Washington

Bảng Kinh Tế Tổng Hợp

Nghĩa Vụ Cấp Dưỡng Con Cơ Bản Hàng Tháng

Cho Mỗi Con

Thu Nhập Ròng Hàng Tháng Kết Hợp (sau thuế & khấu trừ)	Gia Đình Có Một Con	Gia Đình Có Hai Con	Gia Đình Có Ba Con	Gia Đình Có Bốn Con	Gia Đình Có Năm Con
Đối với thu nhập ít hơn \$2,200, nghĩa vụ này dựa trên các nguồn lực và chi phí sinh hoạt của mỗi hộ gia đình. Cấp dưỡng tối thiểu không được ít hơn \$50 cho mỗi con mỗi tháng trừ khi được cho phép theo RCW 26.19.065(2).					
2200	477	367	298	250	220
2300	499	384	311	261	230
2400	521	400	325	272	239
2500	543	417	338	283	249
2600	565	433	351	294	259
2700	587	450	365	305	269
2800	609	467	378	317	279
2900	630	483	391	328	288
3000	652	500	405	339	298
3100	674	516	418	350	308
3200	696	533	431	361	318
3300	718	550	444	372	328
3400	740	566	458	384	337
3500	762	583	471	395	347
3600	784	599	484	406	357
3700	803	614	496	416	366
3800	816	624	503	422	371
3900	830	634	511	428	377
4000	843	643	518	434	382
4100	857	653	526	440	388
4200	867	660	531	445	392
4300	877	668	537	450	396
4400	887	675	543	455	400
4500	896	682	548	459	404
4600	906	689	554	464	408
4700	916	697	559	469	412
4800	927	705	566	474	417
4900	939	714	573	480	422
5000	951	723	580	486	428
5100	963	732	587	492	433
5200	975	741	594	498	438
5300	987	750	602	504	443
5400	999	759	609	510	449
5500	1011	768	616	516	454
5600	1023	777	623	522	459
5700	1030	782	627	525	462
5800	1036	786	630	528	465
5900	1042	791	634	531	467
6000	1048	795	637	534	470
6100	1054	800	641	537	472
6200	1061	804	644	540	475

Thu Nhập Ròng Hàng Tháng Kết Hợp (sau thuế & khấu trừ)	Gia Đình Có Một Con	Gia Đình Có Hai Con	Gia Đình Có Ba Con	Gia Đình Có Bốn Con	Gia Đình Có Năm Con
6300	1067	809	648	543	477
6400	1073	813	651	545	480
6500	1081	819	656	549	483
6600	1096	830	665	557	490
6700	1111	842	674	564	497
6800	1126	853	683	572	503
6900	1141	864	692	579	510
7000	1156	875	701	587	516
7100	1170	886	710	594	523
7200	1185	898	719	602	530
7300	1200	909	727	609	536
7400	1212	918	734	615	541
7500	1222	925	740	620	545
7600	1231	932	745	624	549
7700	1241	939	751	629	554
7800	1251	946	756	634	558
7900	1261	953	762	638	562
8000	1270	960	767	643	566
8100	1280	968	773	647	570
8200	1290	975	778	652	574
8300	1299	981	783	656	577
8400	1308	987	788	660	581
8500	1316	994	793	664	584
8600	1325	1000	797	668	588
8700	1334	1007	802	672	591
8800	1343	1013	807	676	595
8900	1352	1019	812	680	599
9000	1361	1026	817	684	602
9100	1370	1032	822	689	606
9200	1379	1040	828	694	611
9300	1387	1047	835	699	616
9400	1396	1055	841	705	620
9500	1405	1062	848	710	625
9600	1414	1069	854	716	630
9700	1423	1077	861	721	635
9800	1432	1084	867	727	639
9900	1441	1092	874	732	644
10000	1451	1099	879	737	648
10100	1462	1107	885	741	652
10200	1473	1114	890	745	656
10300	1484	1122	895	750	660
10400	1495	1129	900	754	664
10500	1507	1136	906	759	668
10600	1518	1144	911	763	672
10700	1529	1151	916	767	675
10800	1539	1159	921	772	679
10900	1542	1161	924	774	681
11000	1545	1164	926	776	683

Thu Nhập Ròng Hàng Tháng Kết Hợp (sau thuế & khấu trừ)	Gia Đình Có Một Con	Gia Đình Có Hai Con	Gia Đình Có Ba Con	Gia Đình Có Bốn Con	Gia Đình Có Năm Con
11100	1548	1166	928	778	684
11200	1551	1169	931	780	686
11300	1554	1172	933	782	688
11400	1556	1174	936	784	690
11500	1559	1177	938	786	692
11600	1562	1179	940	788	693
11700	1565	1182	943	790	695
11800	1568	1184	945	792	697
11900	1571	1187	948	794	699
12000	1573	1190	950	796	700
12100	1584	1199	957	802	705
12200	1594	1207	964	808	711
12300	1605	1216	971	814	716
12400	1616	1225	978	820	721
12500	1626	1233	985	826	727
12600	1637	1242	992	832	732
12700	1647	1251	999	838	737
12800	1657	1259	1007	844	743
12900	1668	1268	1014	850	748
13000	1678	1276	1021	856	753
13100	1688	1285	1027	862	758
13200	1699	1293	1034	868	764
13300	1709	1302	1041	874	769
13400	1719	1310	1048	879	774
13500	1729	1319	1055	885	779
13600	1739	1327	1062	891	785
13700	1749	1335	1069	897	790
13800	1759	1344	1076	903	795
13900	1769	1352	1083	909	800
14000	1779	1360	1090	915	805
14100	1789	1369	1097	920	811
14200	1799	1377	1103	926	816
14300	1809	1385	1110	932	821
14400	1818	1393	1117	938	826
14500	1828	1402	1124	944	831
14600	1838	1410	1131	949	836
14700	1848	1418	1137	955	842
14800	1857	1426	1144	961	847
14900	1867	1434	1151	967	852
15000	1876	1443	1158	973	857
15100	1886	1451	1164	978	862
15200	1895	1459	1171	984	867
15300	1905	1467	1178	990	872
15400	1914	1475	1184	995	877
15500	1923	1483	1191	1001	882
15600	1933	1491	1198	1007	888
15700	1942	1499	1204	1012	893
15800	1951	1507	1211	1018	898

Thu Nhập Ròng Hàng Tháng Kết Hợp (sau thuế & khấu trừ)	Gia Đình Có Một Con	Gia Đình Có Hai Con	Gia Đình Có Ba Con	Gia Đình Có Bốn Con	Gia Đình Có Năm Con
15900	1960	1515	1217	1024	903
16000	1969	1523	1224	1029	908
16100	1978	1531	1231	1035	913
16200	1987	1538	1237	1041	918
16300	1996	1546	1244	1046	923
16400	2005	1554	1250	1052	928
16500	2014	1562	1257	1057	933
16600	2023	1570	1263	1063	938
16700	2032	1578	1270	1069	943
16800	2041	1585	1276	1074	948
16900	2050	1593	1283	1080	953
17000	2058	1601	1289	1085	958
17100	2067	1609	1296	1091	963
17200	2076	1616	1302	1096	968
17300	2084	1624	1308	1102	972
17400	2093	1632	1315	1107	977
17500	2101	1639	1321	1113	982
17600	2110	1647	1328	1118	987
17700	2118	1654	1334	1124	992
17800	2127	1662	1340	1129	997
17900	2135	1669	1347	1135	1002
18000	2143	1677	1353	1140	1007
18100	2152	1685	1359	1145	1012
18200	2160	1692	1366	1151	1017
18300	2168	1699	1372	1156	1021
18400	2176	1707	1378	1162	1026
18500	2185	1714	1384	1167	1031
18600	2193	1722	1391	1172	1036
18700	2201	1729	1397	1178	1041
18800	2209	1736	1403	1183	1046
18900	2217	1744	1409	1188	1050
19000	2225	1751	1416	1194	1055
19100	2232	1758	1422	1199	1060
19200	2240	1766	1428	1204	1065
19300	2248	1773	1434	1210	1069
19400	2256	1780	1440	1215	1074
19500	2264	1788	1446	1220	1079
19600	2271	1795	1452	1226	1084
19700	2279	1802	1458	1231	1088
19800	2287	1809	1465	1236	1093
19900	2294	1816	1471	1241	1098
20000	2302	1823	1477	1247	1103
20100	2310	1830	1483	1252	1107
20200	2318	1838	1489	1257	1112
20300	2326	1845	1495	1262	1117
20400	2334	1852	1501	1268	1121
20500	2342	1859	1507	1273	1126
20600	2350	1866	1513	1278	1131

Thu Nhập Ròng Hàng Tháng Kết Hợp (sau thuế & khấu trừ)	Gia Đình Có Một Con	Gia Đình Có Hai Con	Gia Đình Có Ba Con	Gia Đình Có Bốn Con	Gia Đình Có Năm Con
20700	2358	1873	1519	1283	1135
20800	2366	1880	1525	1288	1140
20900	2374	1887	1531	1293	1145
21000	2382	1893	1537	1299	1149
21100	2389	1900	1542	1304	1154
21200	2396	1907	1548	1309	1159
21300	2403	1914	1554	1314	1163
21400	2410	1921	1560	1319	1168
21500	2417	1928	1566	1324	1172
21600	2424	1935	1572	1329	1177
21700	2431	1941	1578	1334	1182
21800	2438	1948	1583	1339	1186
21900	2445	1955	1589	1344	1191
22000	2452	1962	1595	1349	1195
22100	2459	1968	1601	1354	1200
22200	2466	1975	1607	1359	1204
22300	2473	1982	1612	1364	1209
22400	2480	1988	1618	1369	1213
22500	2487	1995	1624	1374	1218
22600	2494	2002	1629	1379	1223
22700	2501	2008	1635	1384	1227
22800	2508	2015	1641	1389	1232
22900	2515	2021	1647	1394	1236
23000	2522	2028	1652	1399	1240
23100	2529	2034	1658	1404	1245
23200	2536	2041	1663	1409	1249
23300	2543	2047	1669	1414	1254
23400	2550	2054	1675	1419	1258
23500	2557	2060	1680	1424	1263
23600	2564	2067	1686	1429	1267
23700	2571	2073	1691	1433	1272
23800	2578	2079	1697	1438	1276
23900	2585	2086	1702	1443	1280
24000	2592	2092	1708	1448	1285
24100	2599	2098	1714	1453	1289
24200	2606	2105	1719	1458	1294
24300	2613	2111	1724	1462	1298
24400	2620	2117	1730	1467	1302
24500	2627	2123	1735	1472	1307
24600	2634	2130	1741	1477	1311
24700	2641	2136	1746	1482	1315
24800	2648	2142	1752	1486	1320
24900	2655	2148	1757	1491	1324
25000	2662	2154	1762	1496	1328
25100	2669	2160	1768	1501	1333
25200	2676	2166	1773	1505	1337
25300	2683	2172	1779	1510	1341
25400	2690	2178	1784	1515	1346

Thu Nhập Ròng Hàng Tháng Kết Hợp (sau thuế & khấu trừ)	Gia Đình Có Một Con	Gia Đình Có Hai Con	Gia Đình Có Ba Con	Gia Đình Có Bốn Con	Gia Đình Có Năm Con
25500	2696	2184	1789	1519	1350
25600	2702	2191	1795	1524	1354
25700	2708	2196	1800	1529	1358
25800	2714	2202	1805	1533	1363
25900	2720	2208	1810	1538	1367
26000	2726	2214	1816	1543	1371
26100	2732	2220	1821	1547	1375
26200	2738	2226	1826	1552	1380
26300	2744	2232	1831	1557	1384
26400	2750	2238	1837	1561	1388
26500	2756	2244	1842	1566	1392
26600	2762	2249	1847	1570	1396
26700	2768	2255	1852	1575	1401
26800	2774	2261	1857	1579	1405
26900	2780	2267	1862	1584	1409
27000	2786	2272	1867	1589	1413
27100	2792	2278	1873	1593	1417
27200	2798	2284	1878	1598	1421
27300	2804	2290	1883	1602	1425
27400	2810	2295	1888	1607	1430
27500	2816	2301	1893	1611	1434
27600	2822	2306	1898	1616	1438
27700	2828	2312	1903	1620	1442
27800	2834	2318	1908	1624	1446
27900	2840	2323	1913	1629	1450
28000	2846	2329	1918	1633	1454
28100	2852	2334	1923	1638	1458
28200	2858	2340	1928	1642	1462
28300	2864	2345	1933	1647	1466
28400	2870	2351	1938	1651	1470
28500	2876	2356	1943	1655	1474
28600	2882	2361	1948	1660	1478
28700	2888	2367	1953	1664	1482
28800	2894	2372	1957	1668	1486
28900	2900	2378	1962	1673	1490
29000	2906	2383	1967	1677	1494
29100	2912	2388	1972	1681	1498
29200	2918	2393	1977	1686	1502
29300	2924	2399	1982	1690	1506
29400	2930	2404	1986	1694	1510
29500	2936	2409	1991	1699	1514
29600	2942	2414	1996	1703	1518
29700	2948	2420	2001	1707	1522
29800	2954	2425	2006	1712	1526
29900	2960	2430	2010	1716	1530
30000	2966	2435	2015	1720	1534
30100	2972	2440	2020	1724	1538
30200	2978	2445	2024	1728	1542

Thu Nhập Ròng Hàng Tháng Kết Hợp (sau thuế & khấu trừ)	Gia Đình Có Một Con	Gia Đình Có Hai Con	Gia Đình Có Ba Con	Gia Đình Có Bốn Con	Gia Đình Có Năm Con
30300	2984	2450	2029	1733	1546
30400	2990	2455	2034	1737	1550
30500	2996	2460	2038	1741	1553
30600	3002	2465	2043	1745	1557
30700	3008	2470	2048	1749	1561
30800	3014	2475	2052	1754	1565
30900	3020	2480	2057	1758	1569
31000	3026	2485	2061	1762	1573
31100	3032	2490	2066	1766	1577
31200	3038	2495	2071	1770	1580
31300	3044	2500	2075	1774	1584
31400	3050	2505	2080	1778	1588
31500	3056	2509	2084	1782	1592
31600	3062	2514	2089	1786	1596
31700	3068	2519	2093	1791	1599
31800	3074	2524	2098	1795	1603
31900	3080	2529	2102	1799	1607
32000	3086	2533	2107	1803	1611
32100	3092	2538	2111	1807	1614
32200	3098	2543	2116	1811	1618
32300	3104	2547	2120	1815	1622
32400	3110	2552	2124	1819	1626
32500	3116	2557	2129	1823	1629
32600	3122	2561	2133	1827	1633
32700	3128	2566	2137	1831	1637
32800	3134	2570	2142	1835	1640
32900	3140	2575	2146	1839	1644
33000	3146	2579	2150	1843	1648
33100	3152	2584	2155	1846	1651
33200	3158	2588	2159	1850	1655
33300	3164	2593	2163	1854	1659
33400	3170	2597	2168	1858	1662
33500	3176	2602	2172	1862	1666
33600	3182	2606	2176	1866	1670
33700	3188	2611	2180	1870	1673
33800	3194	2615	2185	1874	1677
33900	3200	2619	2189	1877	1681
34000	3206	2624	2193	1881	1684
34100	3212	2628	2197	1885	1688
34200	3218	2632	2201	1889	1691
34300	3224	2637	2205	1893	1695
34400	3230	2641	2210	1897	1698
34500	3236	2645	2214	1900	1702
34600	3242	2649	2218	1904	1706
34700	3248	2653	2222	1908	1709
34800	3253	2658	2226	1912	1713
34900	3258	2662	2230	1915	1716
35000	3263	2666	2234	1919	1720

Thu Nhập Ròng Hàng Tháng Kết Hợp (sau thuế & khấu trừ)	Gia Đình Có Một Con	Gia Đình Có Hai Con	Gia Đình Có Ba Con	Gia Đình Có Bốn Con	Gia Đình Có Năm Con
35100	3268	2670	2238	1923	1723
35200	3273	2674	2242	1927	1727
35300	3278	2678	2246	1930	1730
35400	3283	2682	2250	1934	1734
35500	3288	2686	2254	1938	1737
35600	3293	2690	2258	1941	1741
35700	3298	2694	2262	1945	1744
35800	3303	2698	2266	1949	1748
35900	3308	2702	2270	1952	1751
36000	3313	2706	2274	1956	1754
36100	3318	2710	2278	1960	1758
36200	3323	2714	2282	1963	1761
36300	3328	2718	2286	1967	1765
36400	3333	2722	2290	1970	1768
36500	3338	2725	2293	1974	1771
36600	3343	2729	2297	1978	1775
36700	3348	2733	2301	1981	1778
36800	3353	2737	2305	1985	1782
36900	3358	2740	2309	1988	1785
37000	3363	2744	2312	1992	1788
37100	3368	2748	2316	1995	1792
37200	3373	2752	2320	1999	1795
37300	3378	2755	2324	2002	1798
37400	3383	2759	2328	2006	1802
37500	3388	2762	2331	2009	1805
37600	3393	2766	2335	2013	1808
37700	3398	2770	2339	2016	1812
37800	3403	2773	2342	2020	1815
37900	3408	2777	2346	2023	1818
38000	3413	2780	2350	2027	1821
38100	3418	2784	2353	2030	1825
38200	3423	2787	2357	2034	1828
38300	3428	2791	2361	2037	1831
38400	3433	2794	2364	2040	1834
38500	3438	2798	2368	2044	1838
38600	3443	2801	2371	2047	1841
38700	3448	2804	2375	2050	1844
38800	3453	2808	2378	2054	1847
38900	3458	2811	2382	2057	1851
39000	3463	2814	2385	2061	1854
39100	3468	2818	2389	2064	1857
39200	3473	2821	2393	2067	1860
39300	3478	2824	2396	2070	1863
39400	3483	2828	2399	2074	1867
39500	3488	2831	2403	2077	1870
39600	3493	2834	2406	2080	1873
39700	3498	2837	2410	2084	1876
39800	3503	2840	2413	2087	1879

Thu Nhập Ròng Hàng Tháng Kết Hợp (sau thuế & khấu trừ)	Gia Đình Có Một Con	Gia Đình Có Hai Con	Gia Đình Có Ba Con	Gia Đình Có Bốn Con	Gia Đình Có Năm Con
39900	3508	2844	2417	2090	1882
40000	3513	2847	2420	2093	1885
40100	3518	2850	2423	2097	1888
40200	3523	2853	2427	2100	1892
40300	3528	2856	2430	2103	1895
40400	3533	2859	2433	2106	1898
40500	3538	2862	2437	2109	1901
40600	3543	2865	2440	2113	1904
40700	3548	2868	2443	2116	1907
40800	3553	2871	2447	2119	1910
40900	3558	2874	2450	2122	1913
41000	3563	2877	2453	2125	1916
41100	3568	2880	2456	2128	1919
41200	3573	2883	2460	2131	1922
41300	3578	2885	2463	2135	1925
41400	3583	2888	2466	2138	1928
41500	3588	2891	2469	2141	1931
41600	3593	2894	2472	2144	1934
41700	3598	2897	2476	2147	1937
41800	3603	2900	2479	2150	1940
41900	3607	2902	2482	2153	1943
42000	3611	2905	2485	2156	1946
42100	3615	2908	2488	2159	1949
42200	3619	2910	2491	2162	1952
42300	3623	2913	2494	2165	1955
42400	3627	2916	2497	2168	1958
42500	3631	2918	2500	2171	1961
42600	3635	2921	2503	2174	1964
42700	3639	2924	2506	2177	1966
42800	3643	2926	2510	2180	1969
42900	3647	2929	2513	2183	1972
43000	3651	2931	2515	2186	1975
43100	3655	2934	2518	2189	1978
43200	3659	2936	2521	2192	1981
43300	3663	2939	2524	2195	1984
43400	3667	2941	2527	2197	1987
43500	3671	2943	2530	2200	1989
43600	3675	2946	2533	2203	1992
43700	3679	2948	2536	2206	1995
43800	3683	2951	2539	2209	1998
43900	3687	2953	2542	2212	2001
44000	3691	2955	2545	2215	2003
44100	3695	2958	2548	2217	2006
44200	3699	2960	2550	2220	2009
44300	3703	2962	2553	2223	2012
44400	3707	2964	2556	2226	2015
44500	3711	2967	2559	2229	2017
44600	3715	2969	2562	2231	2020

Thu Nhập Ròng Hàng Tháng Kết Hợp (sau thuế & khấu trừ)	Gia Đình Có Một Con	Gia Đình Có Hai Con	Gia Đình Có Ba Con	Gia Đình Có Bốn Con	Gia Đình Có Năm Con
44700	3719	2971	2564	2234	2023
44800	3723	2973	2567	2237	2026
44900	3727	2975	2570	2240	2028
45000	3731	2977	2572	2243	2031
45100	3735	2980	2575	2245	2034
45200	3739	2982	2578	2248	2036
45300	3743	2984	2581	2251	2039
45400	3747	2986	2583	2253	2042
45500	3751	2988	2586	2256	2044
45600	3755	2990	2589	2259	2047
45700	3759	2992	2591	2261	2050
45800	3763	2994	2594	2264	2052
45900	3767	2996	2596	2267	2055
46000	3771	2998	2599	2269	2058
46100	3775	3000	2602	2272	2060
46200	3779	3001	2604	2275	2063
46300	3783	3003	2607	2277	2066
46400	3787	3005	2609	2280	2068
46500	3791	3007	2612	2282	2071
46600	3795	3009	2614	2285	2073
46700	3799	3011	2617	2288	2076
46800	3803	3012	2619	2290	2079
46900	3807	3014	2622	2293	2081
47000	3811	3016	2624	2295	2084
47100	3815	3018	2627	2298	2086
47200	3819	3019	2629	2300	2089
47300	3823	3021	2631	2303	2091
47400	3827	3023	2634	2305	2094
47500	3831	3024	2636	2308	2096
47600	3835	3026	2639	2310	2099
47700	3839	3027	2641	2313	2101
47800	3843	3029	2643	2315	2104
47900	3847	3030	2646	2318	2106
48000	3851	3032	2648	2320	2109
48100	3855	3034	2650	2322	2111
48200	3859	3035	2653	2325	2114
48300	3863	3036	2655	2327	2116
48400	3867	3038	2657	2330	2119
48500	3871	3039	2659	2332	2121
48600	3874	3041	2662	2334	2123
48700	3877	3042	2664	2337	2126
48800	3880	3043	2666	2339	2128
48900	3883	3045	2668	2341	2131
49000	3886	3046	2670	2344	2133
49100	3889	3047	2673	2346	2136
49200	3892	3049	2675	2348	2138
49300	3895	3050	2677	2351	2140
49400	3898	3051	2679	2353	2143

Thu Nhập Ròng Hàng Tháng Kết Hợp (sau thuế & khấu trừ)	Gia Đình Có Một Con	Gia Đình Có Hai Con	Gia Đình Có Ba Con	Gia Đình Có Bốn Con	Gia Đình Có Năm Con
49500	3901	3052	2681	2355	2145
49600	3904	3054	2683	2358	2147
49700	3907	3055	2685	2360	2150
49800	3910	3056	2688	2362	2152
49900	3913	3057	2690	2364	2154
50000	3916	3058	2692	2367	2157

Bảng kinh tế tổng hợp này giả định đối với thu nhập ròng hàng tháng kết hợp (sau thuế & khấu trừ) lên đến và bao gồm \$50,000. Khi thu nhập ròng hàng tháng kết hợp vượt quá \$50,000, tòa án có thể vượt quá số tiền cấp dưỡng tối đa giả định đã ấn định cho thu nhập hàng tháng kết hợp là \$50,000 dựa trên văn bản kết luận thực tế.